**TUẦN TIẾT VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH**

**ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng: Rút ra được thông điệp của tác giả được gửi gắm qua nhân vật và viết bài văn, đoạn văn phân tích đặc điểm nhân vật.

- Biết và hiểu các bước viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

**2. Năng lực:**

**\* Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ, sáng tạo, hợp tác...

**\* Năng lực riêng:**

- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thường được thể hiện qua những nét tiêu biểu như: lai lịch, hoàn cảnh, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ…. nêu lên nhận xét về các đặc điểm của nhân vật và làm sáng tỏ các đặc điểm ấy.

- Năng lực thu thập thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm nhận liên quan đến nhân vật..

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về bài học từ nhân vật.

**3. Phẩm chất:**

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm.

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng cái riêng biệt nhưng phải biết hoà đồng, gần gũi với mọi người.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án, PBT- Bảng phân công nhiệm vụ

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài,

**III. PHƯƠNG PHÁP:** Giải quyết vấn đề, thảo luận, trình bày 1 phút, hoạt động nhóm. thuyết trình, đàm thoại, gợi mở, sơ đồ tư duy.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**I**. **Ổn định tổ chức:**

**II. Kiểm tra bài cũ ( trong giờ)**

**III: Dạy học bài ôn :**

**1.Trước giờ học:**

- HS chuẩn bị kiến thức về thể loại

- Tìm hiểu về đặc điểm thể loại của tác phẩm, viết đoạn.

- Soạn bài: trả lời câu hỏi trong SBT và thưc hiện PHT ( có thể dùng vở thực hành để soạn bài)

**2. Trên lớp:**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

1. Mục tiêu: Kết nôi - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế bước vào giờ ôn tập kiến thức.
2. Nội dung hoạt động: HS hoàn thành Phiếu học tập
3. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

**d.** Tổ chức thực hiện hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| Nhân vật cần phân tích: ……………….  Truyện: ……………………………… | |
| Phương diện | Biểu hiện trong truyện |
| Hoàn cảnh |  |
| Cử chỉ, hành động |  |
| Suy nghĩ |  |
| -> ***Đặc điểm nhân vật:*** một người không có chính kiến lập trường riêng; người thiếu kiến thức, thiếu bản lĩnh. | |

GV yêu cầu HS kể tên một số truyện ngụ ngôn mà em đã học, đã đọc và nêu ấn tượng, cảm nhận riêng của mình về một nhân vật trong truyện ngụ ngôn mà em thích nhất.

**HOẠT ĐỘNG 2:HỆ THỐNG KIẾN THỨC:**

**a.Mục tiêu:** Hs hệ thống kiến thức về đã học

**b.Nội dung**:Hs nắm chác kiến thức, trả lời câu hỏi

**c.Sản phẩm**:Câu trả lời của hs

**d.Tổ chức thực hiện:** Giáo viên chuyến giao nhiệm vụ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của CV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| + *Thế nào là phân tích đặc điểm nhân vật?*  *+ ? Để viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn, em cần chú ý những yêu cầu nào?*  *Bố cục của bài?* | **I. Kiến thức Ngữ văn:**  **1. Khái niệm:**  - Phân tích đặc điểm nhân vật là nêu lên nhận xét về các đặc điểm của nhân vật và làm sáng tỏ các đặc điểm ấy.  - Đặc điểm của nhân vật thường được thể hiện qua những nét tiêu biểu như: lai lịch, hoàn cảnh, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ….  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn:**  - Giới thiệu được nhân vật cần phân tích:  - Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là con người, có thể là sự vật hoặc các con vật được nhân hoá, có đặc điểm như con người.  - Nêu nhận xét về đặc điểm nhân vật và phân tích, làm sáng tỏ đặc điểm ấy thông qua những chi tiết tiêu biểu.  **3. Bố cục của bài viết cần đảm bảo:**  + *Mở bài:* Giới thiệu cần phân tích và khái quát đặc điểm nổi bật của nhân vật.  *+ Thân bài:* Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ từng đặc điểm của nhân vật thông qua các chi tiết cụ thể trong tác phẩm ( lai lịch, hoàn cảnh, cử chỉ, hành động, suy nghĩ…)  *+ Kết bài:* Khái quát lại đặc điểm của nhân vật, nêu ý nghĩa hoặc rút ra bài học sâu sắc. |

**HOẠT ĐỘNG 3:LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, SBT kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện: G yêu cầu Hs làm bài tập**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn bị**  - Đọc và xác định yêu cầu của bài tập  - Đọc lại truyện, xem lại nội dung đọc hiểu truyện ngụ ngôn  - Xác định đặc điểm nhân vật mà em định viết ( có thể theo bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | Nhân vật cần phân tích: ……………….  Truyện: ……………………………… | | | Phương diện | Biểu hiện trong truyện | | Hoàn cảnh |  | | Cử chỉ, hành động |  | | Suy nghĩ |  | | …. |  | | -> ***Đặc điểm nhân vật:*** | |   **- HS tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:**  **+** Truyện viết về sự kiện gì, có những nhân vật nào, ai là nhân vật chính?  + Nhân vật chính là người như thế nào? (Nêu các đặc điểm của nhân vật và các biểu hiện cụ thể trong tác phẩm).  + Em có nhận xét, đánh giá gì về nhân vật? (Nêu lên những cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm của nhân vật,...).  ***Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:***  ***Mở bài*:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật.  ***Thân bài*:**  + Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ từng đặc điểm của nhân vật người thợ mộc thông qua các chi tiết cụ thể (hoàn cảnh, cử chỉ, hành động, ý nghĩ,...).  + Nêu nhận xét của em về nhân vật .  ***Kết bài*:** Qua việc phân tích đặc điểm nhân vật, nêu lên ý nghĩa hoặc bài học sâu sắc.  **Viết**: Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn  **Kiểm tra, chỉnh sửa bài viết**  - Kiểm tra lại xem bài viết đã đầy đủ, chính xác như yêu cầu của để bài hay chưa.  -Tự phát hiện và biết cách sửa các lỗi | **I. Phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện**  **ngụ ngôn:** **Đè 1: Phân tích nhân vật con on Ếch trong truyện ngu ngôn “Ếch Ngồi Đáy Giếng”**  **1. Mở bài**  Giới thiệu về truyện ngụ ngôn Ếch ngồi đáy giếng và hình tượng con ếch.  **2. Thân bài**  **\* Con ếch khi ở dưới đáy giếng:**  - Môi trường sống: Dưới một đáy giếng cạn, hàng xóm là những loài cua, ốc nhỏ bé  - Thái độ, hành động của ếch: + Huênh hoang, kiêu ngạo, cho mình là nhất. + Cất lên những tiếng kêu ộp ộp khiến các con vật khác phải khiếp sợ  - Nhận thức: + Coi mình là loài vật lớn nhất, là chúa tể muôn loài + Bầu trời chỉ nhỏ như chiếc vung  - Mhaamj xét về nhận vật: + Hình ảnh con ếch kiêu ngạo, thiếu hiểu biết cũng chính là hình ảnh phản chiếu của những con người sống kiêu căng, ngạo mạn, tầm hiểu biết hạn hẹp nhưng không chịu tiếp thu, học hỏi. + Luôn cho bản thân là nhất không chỉ làm nảy sinh những ảo tưởng không thật về bản thân mà còn gây ra những hậu quả khôn lường.  **\* Khi ra khỏi đáy giếng:** - Hoàn cảnh: Mưa lớn, nước dâng cao à Ếch ra khỏi giếng. - Nghênh ngang đi lại mà không chút đề phòng → Bị một con trâu đi qua giẫm bẹp. - Nhận xét nhân vật : Kết cục bi thảm nhưng thích đáng cho những kẻ thiếu hiểu biết nhưng lại luôn tỏ ra hơn người, coi thường mọi người, mọi thứ xung quanh.  \* Nghệ thuật xây dựng nhân vật: biện pháp nhân hóa, ẩn dụ, tình huống hợp lí, cách kể ngắn ngọn,  \* Bài học: + Thế giới vô cùng rộng lớn nên mỗi người cần không ngừng học hỏi, trau dồi vốn hiểu biết.  + Nếu chỉ biết kiêu ngạo, không chịu tiếp thu, học hỏi sẽ phải trả cái giá đắt. ...  **3. Kết bài** , Rút ra ý nghĩa và bài học sâu sắc và liên hệ với bản thân:Trong cuộc sống hiện đại, chúng ta cần đặt mình trong nhiều mối quan hệ, cần nhìn nhận thế giới bằng con mắt khách quan và tinh thần ham học hỏi để có thể thích nghi và phát triển trong cuộc sống ấy. |

**Bài viết tham khảo**

# Ếch ngồi đáy giếng là câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng trong kho tàng truyện dân gian Việt Nam. Thông qua hình tượng con ếch kiêu ngạo, huênh hoang cùng những tình tiết hài hước, tác giả dân gian gửi gắm được nhiều bài học và thông điệp sâu sắc về cách nhận thức cuộc sống và lối ứng xử của con người trong quan hệ với những người xung quanh.

# Con ếch trong câu chuyện là một kẻ huênh hoang, thiếu hiểu biết. Ếch ta sống trong một cái giếng cạn, không gian sống hạn hẹp cùng với những người hàng xóm nhỏ bé là cua, ốc nên ếch ảo tưởng rằng mình là con vật lớn nhất, là chúa tể nơi đây. Hàng ngày ếch cất lên những tiếng kêu ộp ộp khiến các con vật khác phải khiếp sợ, bởi vậy mà ếch càng tỏ ra huênh hoang, coi thường mọi người xung quanh mình. Từ đáy giếng nhìn lên, bầu trời trong nhận thức của ếch cũng chỉ nhỏ như cái vung, điều đó càng làm cho suy nghĩ mình là chúa tể muôn loài của ếch thêm phần chắc chắn. Hình ảnh con ếch kiêu ngạo, thiếu hiểu biết cũng chính là hình ảnh phản chiếu của những con người sống kiêu căng, ngạo mạn, tầm hiểu biết hạn hẹp nhưng không chịu tiếp thu, học hỏi. Luôn cho bản thân là nhất không chỉ làm nảy sinh những ảo tưởng không thật về bản thân mà còn gây ra những hậu quả khôn lường.

# Vào một năm trời mưa lớn, nước mưa dâng cao, ếch lần đầu tiên được ra khỏi miệng giếng chật hẹp để ngắm nhìn cuộc sống rộng lớn bên ngoài. Bên ngoài đáy giếng là một thế giới rộng lớn, cảnh vật đều mới lạ, bầu trời cũng to lớn hơn rất nhiều so với nhận thức trước đó của ếch. Thế nhưng, bản tính vốn kiêu ngạo, vốn hiểu biết lại nông cạn nhưng ếch ta vẫn chứng nào tật ấy luôn cho mình là nhất. Khi ra khỏi miệng giếng, ếch đi lại nghênh ngang mà không chút đề phòng, kết quả là bị một con trâu đi ngang qua giẫm bẹp. Có thể nói, kết cục của ếch thật bi thảm, chỉ vừa bước ra khỏi thế giới nhỏ bé nơi đáy giếng thì đã bị giẫm bẹp, thế nhưng đây cũng là kết quả thích đáng cho những kẻ thiếu hiểu biết nhưng lại luôn tỏ ra hơn người, coi thường mọi người, mọi thứ xung quanh.

# Đằng sau kết cục thảm thương của con ếch, tác giả dân gian muốn gửi gắm một thông điệp: Thế giới vô cùng rộng lớn nên mỗi người cần không ngừng học hỏi, trau dồi vốn hiểu biết. Nếu chỉ biết kiêu ngạo, không chịu tiếp thu, học hỏi sẽ phải trả cái giá đắt như cái chết của con ếch. Câu chuyện còn là bài học về sự thích nghi với hoàn cảnh sống xung quanh. Khi sống quá lâu trong môi trường nhỏ hẹp mà không có sự kết nối với bên ngoài có thể làm cho nhận thức của con người trở nên hạn hẹp, trì trệ, mất đi khả năng đánh giá khách quan. Bởi vậy, trong cuộc sống hiện đại, chúng ta cần đặt mình trong nhiều mối quan hệ, cần nhìn nhận thế giới bằng con mắt khách quan và tinh thần ham học hỏi để có thể thích nghi và phát triển trong cuộc sống ấy.

# Thông qua hàng loạt những ẩn dụ sáng tạo như "con ếch", "bầu trời", "con trâu", truyện ngụ ngôn Ếch ngồi đáy giếng đã mang đến cho chúng ta một câu chuyện dân gian thú vị, sâu sắc hơn cả là qua câu chuyện ấy, chúng ta có thêm những bài học quý giá về cách nhận thức, đánh giá sự vật cùng thái độ sống cần có của con người trong cuộc sống.

## **Đề 2: Viết bài văn phân tích nhân vật năm ông thầy bói trong truyện Thầy bói xem voi**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu về thể loại truyện ngụ ngôn

- Giới thiệu về nhân vật năm ông thầy bói trong truyện “Thầy bói xem voi”

**II. Thân bài**

**1. Hoàn cảnh xem voi của các thầy bói**

- Hoàn cảnh: nhân buổi ế hàng, ngồi tán gẫu với nhau

- Đặc điểm:

   + Đều bị mù

   + Chưa biết gì về hình thù con voi

- Cách xem voi:

   + Dùng tay để sờ

   + Mỗi thầy chỉ được sờ một bộ phận của con voi

**2. Các thầy bói phán về con voi**

- Phán về hình thù con voi:

   + Thầy sờ voi: sun sun như con đỉa

   + Thầy sờ ngà: chần chẫn như cái đòn càn

   + Thầy sờ tai: bè bè như cái quạt thóc

   + Thầy sờ chân: sừng sững như cái cột đình

   + Thầy sờ đuôi: tùn tũn như cái chổi xể cùn

→ Đúng được từng bộ phận nhưng không đúng được tổng thể

Nhận xét về thái độ của các thầy khi phán:

   + Chủ quan, bảo thủ, phiến diện

   + Phủ nhận hoàn toàn quan điểm của người khác, khẳng định quan điểm của mình, luôn cho mình là đúng

→ Sai lầm về phương pháp nhận thức

**3. Kết quả của việc xem voi**

- Không ai chịu ai, ai cũng cho là mình đúng

- Xô xát, đánh nhau toác đầu, chảy máu

→ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: → Cách mở đầu ngắn gọn, hấp dẫn, phóng đại tạo tiếng cười, tô đậm sai lầm, lí sự của các thầy bói

**Bài học:** -:

   +Từ câu chuyện chế giễu cách xem voi và phán về voi của năm ông thầy bói, truyện “Thầy bói xem voi” khuyên người ta: muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chúng một cách toàn diện.

**III. Kết bài:** Bài học cho bản thân: phải xem xét sự vật, sự việc một cách toàn diện, phải biết lắng nghe ý kiến của người khác…

Nhân dân vẫn lấy tiếng cười để mua vui giải trí, để chế giễu những thói hư tật xấu quanh ta. Truyện Thầy bói xem voi là một truyện cười mang tính ngụ ngôn sâu sắc.

       Truyện nói về một cuộc hội ngộ của năm ông thầy bói nhân buổi chợ ế hàng. Họ tranh luận về con voi mà họ xem bằng "tay"; tất cả đều mù nên mỗi "thầy" nhận diện con voi một cách khác nhau.

       Thầy bói sờ vòi voi thì bảo "sun sun như con đỉa". Thầy bói sờ ngà lại phán con voi "chần chẫn như cái đòn càn". Lão thầy bói sờ tai voi lại khẳng định nó "bè bè như cái quạt thóc". Lão thầy bói thứ tư sờ chân voi, lại cãi là voi "sừng sững như cái cột nhà". Thầy bói thứ năm sờ đuôi lại nói con voi "tun tủn như cái chổi sể cùn".

       Cả năm ông thầy bói đều thuộc thế giới mù, nên thầy nào cũng dùng cách ví von so sánh tả con voi thật hóm hỉnh, buồn cười. Năm thầy bói đều có nhận xét đúng nhưng chỉ đúng một bộ phận của con voi. Vì mù quen nói mò, nhưng thầy bói nào cũng tin là mình tuyệt đối đúng, đắp tai trước chân lý, trước sự thật.

       Cuộc cãi vã của năm ông thầy bói trở nên ồn ào. Cuộc đấu khẩu thành cuộc xô xát. Màn hài kịch trở thành màn bi - hài kịch. Năm lão thầy bói đã "đánh nhau toác đầu, chảy máu'' làm cho thiên hạ được một bữa ôm bụng mà cười!

       Từ câu chuyện cười thầy bói xem voi mà nhân dân ta có câu tục ngữ: Thầy bói nói mò. Truyện cười này nhằm chế giễu bọn thầy bói mắt đã mù mà còn giở trò bịp bợm, kiếm ăn bằng trò mê tín dị đoan.

       Truyện Thầy bói xem voi còn mang tính ngụ ngôn sâu sắc. Nhân dân nêu lên bài học về cách nhìn và cách đánh giá sự vật, hiện tượng, không được chủ quan, phiến diện, phải có quan điểm toàn diện. Trong học tập và cuộc sống hàng ngày, bài học ấy rất cần thiết đối với mỗi người.

**Đề 3: Phân tích dặc điểm nhân vật hai người bạn trong truyện ngụ ngôn “Hai người bạn đồng hành và con gấu”**

Một hôm nọ, có hai người bạn đang dạo bước trong khu rừng thì bất chợt gặp một chú gấu. Chú gấu đột ngột nhảy vồ ra, làm cả hai giật mình và hoảng sợ. Thấy vậy, người đi trước đã nhanh nhẹn túm một cành cây và ẩn mình trong đám lá xanh. Người bạn đi sau vì tình huống xảy ra bất ngờ nên không kịp lẩn trốn. Đứng trước sự nguy hiểm, người này đành nằm bẹp xuống mặt đất, vùi mặt vào trong cát. Con gấu thấy có người nằm ở lối đi, nó tiến đến rồi dùng mõm dí vào tai để ngửi mùi. Nhưng cuối cùng không ngửi được thứ gì, nó tưởng người nằm trên đất đã chết nên hú lên một tiếng rồi lắc đầu bỏ đi. Sau khi con gấu đi xa, người trên cây mới từ từ trèo xuống và tiến đến chỗ người bạn của mình thắc mắc "Ông gấu thì thầm với cậu điều gì đó?" Vì quá thất vọng về người bạn của mình, người nằm trên đất đã đáp lại "Ông ấy bảo tớ rằng, không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn".

**II. Phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện hiện đại:**

**Đề 1: Phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng**

**Dàn ý tham khảo:**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về nhân vật Võ Tòng (Đó là nhân vật trong tác phẩm nào, của ai? Nhân vật ấy là người như thế nào?...)

**b. Thân bài**

- Phân tích và làm sáng tỏ đặc điểm nhân vật Võ Tòng qua các phương diện:

+ Lai lịch: “Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu”

+ Ngoại hình: Hai hố mắt sâu hoắm, và từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại sắc như dao…

+ Lời truyền tụng: Ra từ, Võ Tòng không trẻ thù kẻ đã phá hoại gia đình mình, chỉ kêu trời một tiếng, cười nhạt rồi bỏ làng vào rừng sinh sống;...

+ Hành động và việc làm…

- Nhận xét về nhân vật Võ Tòng: trình bày những suy nghĩ, cảm xúc,... của em về các đặc điểm đã phân tích về chú Võ Tòng

**c. Kết bài**

- Nêu đánh giá khái quát về nhân vật Võ Tòng

- Liên hệ với những con người Nam Bộ bình thường, giản dị mà anh dũng, bất khuất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; từ đó, rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam” được coi là một tiểu thuyết xuất sắc viết về thiên nhiên và con người vùng sông nước miền Tây. Đặc biệt là đoạn trích “Người đàn ông giữa rừng” đã làm nổi bật lên hình ảnh những con người giản dị, chất phác nhưng dũng cảm. Trong đó, em ấn tượng nhất là nhân vật Võ Tòng.

Theo lời kể của tác giả, Võ Tòng không có lai lịch rõ ràng. Chẳng ai biết tên thật là gì, quê quán gốc gác ở đâu. Võ Tòng chỉ là cái tên mà mọi người gọi chú theo một sự tích trong truyện Tàu thường nghe. Ngoại hình khá kỳ dị, khác người. Hai hố mắt sâu hoắm với tròng mắt trắng dã long qua long lại, sắc lẹm như dao. Mái tóc hung hung giống bờm ngựa dài tới gáy. Gò má bên phải của chú có tới năm cái sẹo dài như đầu móng cọp cào. Bắt gặp một dáng dấp như thế, một con người như thế, dù là ai cũng sẽ thấy sợ hãi nếu chưa quen biết chú thật thân thiết.

 Nhân vật Võ Tòng là một người có ngoại hình cao lớn và kì lạ. “Chú cởi trần, mắc chiếc quần ka ki còn mới, nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần của lính Pháp có những sáu túi). Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt, đúng như lời má nuôi tôi tả. Lại còn thắt cái xanh-tuya-rông nữa chứ!” Qua lời kể của cậu bé An trong truyện, ta thấy nhân vật Võ Tòng là một người rất thằng tính, xuề xòa và không coi trọng hình thức. Đó là biểu hiện cho sự chân chất, thật thà của người dân miền Tây.

Không chỉ vậy, chú còn là một người rất bất hạnh. Không ai biết Võ Tòng tên là gì, đến từ đâu, họ chỉ biết mấy năm về trước gã một mình bơi chiếc xuồng nát đến che lều ở giữa khu rừng đầy thú dữ. Chú sống đơn độc một mình. Là một người dụng cảm, không sợ sệt và dám đương đầu với thú dữ. Trước kia, chú cũng có gia đình đàng hoàng nhưng vì đánh tên địa chủ, hú bị bắt đi tù. Sau khi ra tù, chị vợ hắn đã là vợ lẽ của gã địa chủ kia và con trai của Võ Tòng. Sau đó Võ Tòng bỏ vào rừng, làm nghề săn thú nguy hiểm. Tình cảnh đó gợi cho người đọc một niềm cảm thông về một con người cô đơn, bất hạnh nhưng không sợ trời, không sợ đất, luôn thẳng thắn và là một người tử tế, dám làm dám chịu.

Võ Tòng còn là một người tốt bụng, có tình nghĩa, là một người chất phác, thật thà, lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người mà không hề để ý đến chuyện người ta có đền đáp mình hay không. Chú rất yêu quý tía nuôi của An và thường gọi bằng cái tên thân mật “anh Hai”. Chi tiết trao con dao găm và cánh nỏ của Võ Tòng cho anh Hai thể hiện sự có tình nghĩa, giúp đỡ người khác của nhân vật Võ Tòng. Trong thời buổi loạn lạc, ai cũng lo sợ bọn giặc Pháp vậy mà Võ Tòng lại trao vũ khí cho người khác để bảo vệ họ thay vì mình. Điều đó thể hiện tinh thần quả cảm, gan dạ và tấm lòng lương thiện của Võ Tòng.

Như vậy, ta thấy, đây là một nhân vật tuy bất hạnh nhưng vẫn mang trong mình bản tính lương thiện, tinh thần quả cảm đầy gan dạ của một người đàn ông to lớn giữa thời buổi loạn lạc. Qua đó, em càng cảm thấy ngưỡng mộ và khâm phục tính cách của nhân vật này hơn.

**Đề 2 Nhân vật Dế Mèn.**

**a. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn.**

Những chi tiết thể hiện ngoại hình, hành động, ngôn ngữ và tâm trạng của nhân vật Dế Mèn:

- Ngoại hình Dế Mèn: Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng.

- Hành động của Dế Mèn:

*+ Nhai ngoàm ngoạm.*

+ *Co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ;*

*+ Đi đứng oai vệ;*

*+ Quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ; thỉnh thoảng, ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên.*

- Ngôn ngữ của Dế Mèn: gọi Dế Choắt là “chú mày” với giọng điệu khinh khỉnh..

- Tâm trạng của Dế Mèn: hãnh hiện, tự hào cho là mình đẹp, cường tráng và giỏi.

=> Qua những chi tiết trên cho thấy Dế Mèn là một chàng thanh niên trẻ trung, yêu đời, tự tin nhưng vì tự tin quá mức về vẻ bề ngoài và sức mạnh của mình dẫn đến kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.

=> Nghệ thuật:

+ Kể chuyện kết hợp miêu tả;

+ So sánh, tính từ gợi hình gợi tả (*mẫm bóng, nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh* ...)

+ Từ ngữ chính xác, sắc cạnh với nhiều động từ (đạp, nhai...)

+ Giọng văn sôi nổi.

**b. Diễn biến câu chuyện Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt**

**\* Dế Choắt trong cái nhìn của Dế Mèn.**

- Cái tên cũng do Dế Mèn đặt (giễu cợt).

- Cách xưng hô: “chú mày”- “ta”.

- Ngoại hình:

+ Như gã nghiện thuốc phiện.

+ Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ.

+ Hôi như cú mèo.

- Nhận xét về tính cách, sinh hoạt của Dế Choắt:

+ Dại dột, có lớn mà không có khôn.

+ Ăn ở bẩn thỉu, lôi thôi.

- Lời từ chối của Dế Mèn khi Dé Choắt mong muốn được giúp đỡ: (đào hang sâu, có đường sang hang của Dế Mèn phòng lúc hoạn nạn), Dế Mèn thẳng thừng từ chối, thậm chí còn miệt thị Dế Choắt: hôi hám…

Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn: Xấu xí, yếu ớt, lười nhác, bẩn thỉu.

- Thái độ của Dế Mèn: Coi thường, khinh khi, nhìn bạn với cái nhìn trịch thượng.

Ích kỉ, hẹp hòi, ngạo mạn, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.

**\* Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.**

- Diễn biến hành động và tâm lí của Dế Mèn:

+ Lúc đầu thì huênh hoang trước Dế Choắt.

+ Hát véo von, xấc xược… với chị Cốc

+ Sau đó chui tọt vào hang vắt chân chữ ngũ, nằm khểnh yên trí... đắc ý.

+ Khi Dế choắt bị Cốc mổ thì nằm im thin thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang.

Hèn nhát, tham sống sợ chết, bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi.

- Đó không dũng cảm mà là sự liều lĩnh, ngông cuồng thiếu suy nghĩ: vì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Dế Choắt.

- Dế Mèn bỏ mặc bạn bẻ trong cơn nguy hiểm…hèn nhát, không dám nhận lỗi

**c**. **Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.**

- Hậu quả: Gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt (Kẻ phải trực tiếp chịu hậu quả của trò đùa này là Dế Choắt).

- Với Dế Mèn: Mất bạn láng giềng..Bị Dế Choắt dạy cho bài học nhớ đời.

+ Suốt đời phải ân hận vì lỗi lầm của mình gây ra.

- Tâm trạng của Dế Mèn: Dế Mèn thể hiện ân hận, hối lỗi.. Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn hối hận. Chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm.

**🡺 Nhận xét:**

**-** Nghệ thuật

+ Miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí.

+ Việc tác giả sử dụng ngôi kể thứ nhất, cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình đã khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc của mình khi trải qua.

**-** Đặc điểm nhân vật Dế Mèn: vẻ đẹp ngoại hình của chàng dế mới lớn nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi, sau một lần ngỗ nghịch dại dột đáng ân hận suốt đời đã rút ra bài học đầu tiên cho chính mình.

**3. Sau khi học – Hướng dẫn về nhà**

**\*** Học bài và hoàn thiện bài tập viết bài văn.

\* Chuẩn bị:Thơ ( tìm hiểu đắc điểm cơ bản về nội dung, hình thức của thơ (vần, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa…) của thơ thông qua các văn bản đã học)

|  |
| --- |
| ***Lớp 7 - HK II***  ***Ngày soạn :***  ***Ngày dạy :*** |

**TUẦN TIẾT THƠ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng kĩ năng đọc hiểu đã học, kiến thức về một số biện pháp tu từ có trong văn bản, công dụng của dấu chấm lửng, để thực hành đọc hiểu các văn bản thơ

- Biết và hiểu đắc điểm cơ bản về nội dung, hình thức của thơ (vần, nhịp, dòng và khổ thơ), nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc, ý nghĩa…) của thơ thông qua các văn bản đã học.

**2. Năng lực:**

**\* Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ, sáng tạo, hợp tác...

**\* Năng lực riêng:**

- Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong bài thơ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện trong bài thơ.

- Nhận biết và nêu được tác dụng của một số biện pháp tu từ có trong văn bản; công dụng

của dấu chấm lửng; ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh. .

- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về bài thơ.

- Năng lực thu thập thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm nhận liên quan đến văn bản. .

**3. Phẩm chất:**

***-*** Trân trọng tình cảm cha con cao đẹp, tình mẹ con sâu nặng, xúc động.

- Chăm chỉ*:* Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

- Nhân ái: Yêu quý, trân trọng cảnh vật, con người và truyền thống văn hóa của dân tộc.

- Trách nhiệm*:* Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án, PBT- Bảng phân công nhiệm vụ

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài,

**III. PHƯƠNG PHÁP:** Giải quyết vấn đề, thảo luận, trình bày 1 phút, hoạt động nhóm. thuyết trình, đàm thoại, gợi mở, sơ đồ tư duy.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**I**. **Ổn định tổ chức:**

**II. Kiểm tra bài cũ ( trong giờ)**

**III: Dạy học bài ôn :**

**1.Trước giờ học:**

- HS chuẩn bị kiến thức về thể loại

- Tìm hiểu về đặc điểm thể loại của tác phẩm, viết đoạn.

- Soạn bài: trả lời câu hỏi trong SBT và thưc hiện PHT ( có thể dùng vở thực hành để soạn bài)

**2. Trên lớp:**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

1. Mục tiêu: Kết nôi - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế bước vào giờ ôn tập kiến thức.
2. Nội dung hoạt động: HS hoàn thành Phiếu học tập
3. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

**d.** Tổ chức thực hiện hoạt động:

GV yêu cầu HS kể tên một số bài thơ mà em đã học, đã đọc và nêu ấn tượng, cảm nhận riêng của mình..

**HOẠT ĐỘNG 2:HỆ THỐNG KIẾN THỨC:**

**a.Mục tiêu:** Hs hệ thống kiến thức về đã học

**b.Nội dung**:Hs nắm chác kiến thức, trả lời câu hỏi

**c.Sản phẩm**:Câu trả lời của hs

**d.Tổ chức thực hiện:** Giáo viên chuyến giao nhiệm vụ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của CV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| + Thế nào là từ ngữ và hình ảnh trong thơ?  **+** Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh là gì?  Cách đọc hiểu văn bản thơ? | **I. Kiến thức Ngữ văn:**  **1. Từ ngữ và hình ảnh trong thơ**  - Từ ngữ:  + Cô đọng hàm súc.  + Gợi hình, gợi cảm, đã nghĩa...  - Hình ảnh:  + Hình ảnh về con người, cảnh vật... giúp diễn đạt trở nên gợi cảm sinh động.  + Cách tạo hình ảnh thơ: sử dụng từ ngữ nhất là từ ngữ gợi tả âm thanh, dáng vẻ, trạng thái...; cách gieo vần, ngắt nhịp đặc biệt là sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, nhân hóa, so sánh....   1. **Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh**   - Ngữ cảnh:  + Những từ ngữ, câu đứng trước hoặc đứng sau yếu tố ngôn ngữ đó, được hiểu như văn cảnh.  + Hoàn cảnh, tình huống giao tiếp (tình huống, bối cảnh)  - Vai trò:  + Giúp người đọc, người nghe xác định đúng nghĩa của các từ đa nghĩa hoặc từ đồng âm.  + Giúp xác định nghĩa hàm ẩn cảu từ ngữ được sử dụng phép tu từ.  + Giúp hiểu được hàm ý mà người nói thể hiện qua việc lựa chọn, sử dụng các từ xưng hô.   1. **Cách đọc hiểu:** Khi đọc một văn bản thơ, cần chú ý:   -Vần, nhịp, biện pháp tu từ, từ ngữ, hình ảnh  - Nhân vật trữ tình trong thơ là ai?  - Ngữ cảnh bài thơ...  - Thông điệp và ý nghĩa của bài thơ  - Liên hệ với tình cảm, cảm xúc của bản thân trong cuộc sống. |

**HOẠT ĐỘNG 3:LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, SBT kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện: G yêu cầu Hs làm bài tập**

**I, Hệ thống kiến thức về các văn bản đã học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản**  **Tác giả** | **Xuất xứ** | **Thể loại**  **PTBĐ** | **Đặc điểm cơ bản thể loại** | **Mạch cảm xúc** | **Nghệ thuật** | **Nội dung** | **Thông điệp** |
| ***Những cánh buồm*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Mây và sóng*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Mẹ và quả*** |  |  |  |  |  |  |  |

**II. Dạng bài tập Đọc Hiểu trong và ngoài SGK:**

***Những cánh buồm***

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1.** Qua cuộc trò chuyện giữa hai cha con, em thấy người con có ước mơ gì?

a. Được đi biển bằng thuyền buồm. b. Nhìn thấy nhà cửa, cây cối, con người ơ phía chân trời xa.

c. Khám phá những điều mới lạ trong thế giới xung quanh.

**Câu 2.** Từ “Chảy” trong câu “Ánh nắng chảy đầy vai” được hiểu theo nghĩa nào?

a. Nghĩa chuyển. b. Nghĩa gốc.

**Câu 3**. Dấu hai chấm trong chuỗi câu sau có tác dụng gì?

Con lại trỏ cánh buồm nói khẽ:

“Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé, để con đi…”

a. Báo hiệu một sự liệt kê. b. Báo hiệu bộ phận đứng sau giải thích cho bộ phận trước.

c. Để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật.

**Câu 4**. Dấu ngoặc kép trong chuỗi câu sau có tác dụng gì?

Cha mĩm cười xoa đầu con nhỏ:

“Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa

Sẽ có cây, có cửa, có nhà

Nhưng nơi đó cha chưa hề đi đến”

a. Đánh dấu từ được dùng với ý nghĩa đặc biệt. b. Đánh dấu ý nghĩ của nhân vật.

c.Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

**Câu 5**. Ước mơ của con gợi cho cha nhớ đến điều gì?

a. Ước mơ của con gợi cho cha nhớ đến ước mơ thuở nhỏ của mình

b. Ước mơ của con gợi cho cha nhớ đến tuổi học trò của mình.

c. Ước mơ của con gợi cho cha nhớ đến tuổi thơ của mình.

d. Ước mơ của con gợi cho cha nhớ đến kí ức của mình.

**Câu 6**. Đâu là câu hỏi của đứa con dành cho người cha của mình?

a. Bóng con tròn chắc nịch. - Sau trận mưa đêm rả rích - Cát càng mịn, biển càng trong - Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng.

b. Cha ơi! - Sao xa kia chỉ thấy nước thấy trời - Không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người ở đó?

c. Hai cha con bước đi trên cát - Ánh mặt trời rực rỡ biển xanh - Bóng cha dài lênh khênh

d. Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa - Sẽ có cây, có cửa, có nhà, - Nhưng nơi đó cha chưa hề đi đến.

### Đáp án Trắc nghiệm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Đáp án | a | a | c | c | d | b |

**2. Dạng bài tập Đọc hiểu SGk**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các yêu cầu bên dưới**  *Cha lại dắt con đi trên cát mịn,  Ánh nắng chảy đầy vai  Cha trầm ngâm nhìn mãi cuối chân trời  Con lại trỏ cánh buồm xa hỏi khẽ:  “Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,  Để con đi!”*  *(Trích Những cánh buồm - Hoàng Trung Thông)*  **Câu 1**.Em hãy giải thích nghĩa của từ đi trong câu thơ “Để con đi”. Từ “đi” được dung với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?  **Câu 2**.Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ:  *Cha lại dắt con đi trên cát mịn,  Ánh nắng chảy đầy va*  **Câu 3**.Em cảm nhận được gì trong lời nói ngây thơ của người con nói với người cha trong đoạn thơ:  *Con lại trỏ cánh buồm xa hỏi khẽ:  “Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,  Để con đi!”* |

**GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**Câu 1.-đi** (Để con **đi**...) Chỉ hoạt động của người đến một nơi khác, hoặc tiến đến một mục đích, một kết quả nào đó...không kể bằng cách gì, phương tiện gì.

-Dùng theo **nghĩa chuyển**

**Câu 2**- Biện pháp tu từ sử dụng trong đoạn thơ:

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Ánh nắng ***chảy***đầy vai.

- Tác dụng:

+ Gợi tả sinh động hình ảnh ánh nắng hiện hữu như một thứ chất lỏng thành dòng, thành giọt chảy tràn xuống cảnh vật, con người. Giúp người đọc hình dung cảnh hai cha con dắt nhau đi trên bãi biển vào một buổi sáng đẹp trời với ánh nắng mềm mại, dịu dàng và tràn ngập khắp nơi làm sáng đẹp lên hình ảnh của họ.

+ Cảm nhận tình cảm cha con ấm áp và niềm vui sướng của người con đi dạo bên cha.

+ Thấy được sự quan sát, cảm nhận tinh tế, trí tưởng tượng phong phú và tình yêu quê hương đất nước với những cánh buồm tuổi thơ của tác giả.

**Câu 3:**  Lời nói ngây thơ của người con với cha trong đoạn thơ:

“*Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé,*

*Để con đi ...”*

- Cảm nhận được:

+ Một ước mơ rất trong sáng, đẹp đẽ đáng trân trọng và ngợi ca.

+ Ước mơ đó gắn liền với cánh buồm trắng, với khát vọng đi xa đến những nơi chưa biết, đến những chân trời mới.

+ Đó là ước mơ của một tâm hồn trẻ thơ, ham hiểu biết muốn khám phá, chinh phục những bí ẩn của thế giới.

**3. Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đọc bài thơ Cái cầu của nhà thơ Phạm Tiến Duật và trả lời các câu hỏi:**   |  |  | | --- | --- | | *Cha gửi cho con chiếc ảnh cái cầu*  *Cha vừa bắc xong qua dòng sông sâu;*  *Xe lửa sắp qua, thư cha nói thế,*  *Con cho mẹ xem - cho xem hơi lâu.*  *Những cái cầu ơi, yêu sao yêu ghé,*  *Nhện qua chum nước bắc cầu tơ nhỏ,*  *Con sáo sang sông bắc cầu ngọn gió,*  *Con kiến qua ngòi bắc cầu lá tre.*  *Yêu cái cầu vồng khi trời nổi gió*  *Bắc giữa trời cao, vệt xanh vệt đỏ,*  *Dưới gầm cầu vồng nhà máy mới xây*  *Trời sắp mưa khói trắng hơn mây.* | *Yêu cái cầu tre bắc qua sông máng*  *Mùa gặt con đi đón mẹ bên cầu;*  *Lúc hợp tác từng đoàn nặng gánh*  *Qua cầu tre, vàng cả dòng sâu*  *Yêu cái cầu treo lối sang bà ngoại*  *Như võng trên sông ru người qua lại,*  *Dưới cầu nhiều thuyền chở đá chở vôi;*  *Thuyền buồm đi ngược, thuyền thoi đi xuôi*  *Yêu hơn, cả cái cầu ao mẹ thường đãi đỗ*  *Là cái cầu này ảnh chụp xa xa;*  *Mẹ bảo: cầu Hàm Rồng sông Mở*  *Con cứ gọi cái cầu của cha.*  *(Phạm Tiến Duật, Vắng trăng quầng lửa - Thứ NX8Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 5 - 6)* |   **Câu 1**. Bài thơ kể về một câu chuyện. Đó là câu chuyện gì và người kể là ai?  **Câu 2**. Từ “cái cầu của cha” bạn nhỏ liên tưởng đến nhiều cây cầu khác. Hãy liệt kê và nêu hình dung của em về những cây cầu đó.  **Câu 3**. Biện pháp tu từ nào được sử dụng để biểu đạt tình cảm của bạn nhỏ dành cho những cáy cầu? Em hãy chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ đó.  **Câu 4**. Theo em, bạn nhỏ yêu nhất là cây cầu nào? Vì sao?  **Câu 5.** Tình cảm của bạn nhỏ đối với những cây cầu thể hiện điều gì?  **Câu 6.** Hình ảnh người cha và người mẹ xuất hiện trong bài thơ gợi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì? |

**GỢI Ý:**

**Câu 1**. Đọc bài thơ, ta như được nghe một câu chuyện. Người kể xưng "con", kể cho mẹ nghe chuyện về những cây cầu sau khi nhận “thư cha” kèm theo bức ảnh chụp cây cầu mà người cha mới xây xong. Cây cầu của cha gợi lên trong người con hình ảnh về những cây cầu gắn với bao kỉ niệm đẹp đẽ, thân thương.

**Câu 2.** Từ "cái cầu của cha", bạn nhỏ liên tưởng đến nhiều cây cầu khác như.

- Cầu tơ nhỏ con nhện bắc để qua chum nước.

- Cầu ngọn gió con sáo bắc để sang sông.

- Cầu lá tre con kiến bắc để qua ngòi.

- Cầu vồng bắc ngang trời khi trời nổi gió.

- Cái cầu tre bắc qua sông máng.

- Cái cầu treo lối sang bà ngoại.

- Cái cầu ào mẹ thường đãi đỗ.

Những cây cầu nối đôi bờ xa cách, giúp những con người, những miền quê gắn gũi nhau hơn. Những cây cầu cũng tô điểm thêm cho vẻ đẹp của quê hương, đất nước. Với bạn nhỏ, những cây cầu nhỏ bé cũng là nơi ghỉ dấu bao ki niệm thân thương về gia đình, người thân.

**Câu 3**. Nhà thơ đã sử dụng biện pháp tụ từ điệp ngữ, lặp đi lặp lại từ yêu (6 lần). Biện pháp tụ từ này đã nhấn mạnh tình yêu tha thiết của bạn nhỏ dành cho những cây cầu.

**Câu 4**. Trong lời kể của bạn nhỏ, cây cầu nào cũng có vẻ độc đáo, đáng yêu riêng. Nhưng bạn nhỏ yêu nhất là cây cầu trong bức ảnh của cha, là "cái cầu của cha”. Đối với mẹ, đó là cầu Hàm Rồng bắc qua sông Mã - cây cầu đóng vai trò và cũng quan trọng: chi viện cho miền Nam kháng chiến, Chiếc cầu là chứng nhân của biết bao chiến công anh hùng của quân và dân tỉnh Thanh Hoá nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung trong những nằm tháng chiến tranh. Đối với bạn nhỏ thì đó là cây cầu của cha, do chính cha bắc cho xe lửa chạy qua sông sâu. Điều đó khiến cây cầu vốn xa lạ trở nên gần gũi và thân thương. Nói tình yêu quê hương, đất nước bắt nguồn từ tình yêu đối với những điều bình đi nhất là vì vậy.

**Câu 5.**Hình ảnh những cây cầu giản dị thân thương, mộc mạc, chân chất gợi nhắc những kỉ niệm chứa đựng tình cảm của bạn nhỏ đối với cha mẹ, gia đình, quê hương, đất nước. Vì vậy, tình cảm của bạn nhỏ đối với những cây cầu cũng thể hiện tình yêu, niềm tự hào về cha mẹ, gia đình, quê hương, đất nước.

**Câu 6.** - Hình ảnh người cha xuất hiện trong bài thơ là một người đi xây cầu, góp phần xây dựng Tố quốc. Vì tính chất công việc, vì tính thần trách nhiệm với công cuộc kiến thiết đất nước, người cha thường xuyên phải xa nhà, Nhưng ông luôn dành tình cảm cho gia đình. Mỗi lần hoàn thành công việc, người cha không quên chia sẻ niềm vui, niềm tự hào với những người thân trong gia định qua những bức ảnh, những lá thư.

- Người mẹ là một nông dân, sống ở nông thôn, nhiệt tình tham gia lao động sản xuất, chẳng quản các công việc đồng áng nặng nhọc của hợp tác xã. Đó cũng là một người mẹ giàu tình yêu thương, luôn chăm lo cho gia đình.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

1. **Đọc- hiểu: Hãy đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu từ 1-5:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Sang năm con lên bảy Cha đưa con đến trường Giờ con đang lon ton Khắp sân vườn chạy nhảy Chỉ mình con nghe thấy Tiếng muôn loài với con.  Mai rồi con lớn khôn Chim không còn biết nói Gió chỉ còn biết thổi Cây chỉ còn là cây Đại bàng chẳng về đây Đậu trên cành khế nữa Chuyện ngày xưa, ngày xửa Chỉ là chuyện ngày xưa.* | *Đi qua thời ấu thơ Bao điều bay đi mất Chỉ còn trong đời thật Tiếng người nói với con Hạnh phúc khó khăn hơn Mọi điều con đã thấy Nhưng là con giành lấy Từ hai bàn tay con.”*  (“***Sang năm con lên bảy***” - Vũ Đình Minh) |

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Nêu nội dung chính bài thơ.

2. Theo em, phương thức biểu đạt chính tác giả sử dụng trong bài thơ trên là gì? Lí giải ý kiến của

mình?

3. Giải nghĩa từ “đi” trong câu thơ “*Đi qua thời ấu thơ*”. Từ “đi” thuộc loại từ nào?

4. Qua đoạn thơ người cha muốn nói với con điều gì khi con lớn lên và từ giã thời thơ ấu?

5. Cảm nhận sâu sắc của em về bài thơ trên

**II. ViẾT:** Từ nội dung của bài thơ trên, hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về bổn phận,

trách nhiệm của con cái với cha mẹ.

**GỢI Ý:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỌC HIỂU** |
| **1** | - Thể thơ: năm chữ (ngũ ngôn)  - Nội dung: Bài thơ là lời người cha muốn nhắn nhủ với con của mình. Khi con lên bảy tuổi, con sẽ đi học, những truyện cổ tích và thế giới trẻ thơ sẽ nhường bước cho một thế giới mới, nhiều khó khăn nhưng cũng đầy thú vị mà tự con sẽ khám phá. |
| **2** | - Phương thức biểu đạt chính tác giả sử dụng trong bài thơ trên là biểu cảm  - Vì bài thơ thể hiện rõ tình cảm của người cha với con. |
| **3** | - Nghĩa của từ “đi”: quãng thời gian trong thời ấu thơ của người con.  - Từ “*đi”*trong câu thơ “*Đi qua thời ấu thơ*” được hiểu theo nghĩa chuyển.=> Từ “đi” là từ nhiều nghĩa. |
| **4** | Khi lớn lên và từ giã thời ấu thơ, con sẽ bước vào cuộc đời thực có nhiều thử thách gian nan nhưng cũng rất đáng tự hào. Con phải giành lấy hạnh phúc bằng lao động, công sức và trí tuệ (bàn tay khối óc) của chính bản thân mình. |
| **5** | ***Học sinh bày tỏ cảm nhận sâu sắc của mình về bài thơ***.  Hình thức: đoạn văn.  Nội dung: cần hướng tới bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ về sự quan tâm, chăm lo của người cha dành cho con khi con bắt đầu đi học.Khi lớn lên và từ giã thời ấu thơ, con sẽ bước vào cuộc đời thực có nhiều thử thách gian nan nhưng cũng rất đáng tự hào. Để có được hạnh phúc con phải vất vả khó khăn vì phải giành lấy hạnh phúc bằng lao động, công sức và trí tuệ (bàn tay khối óc) của chính bản thân mình. Nhưng hạnh phúc của con giành được trong cuộc đời thực sẽ thật sự là của con (do chính công sức lao động và khối óc của con làm ra) sẽ đem đến cho con niềm tự hào kiêu hãnh. |
|  | **Viết** |
|  | **Từ nội dung của bài thơ trên, hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về bổn phận, trách nhiệm của con cái với cha mẹ.** |
|  | **I.Yêu cầu về kĩ năng**: Thí *sinh biết viết đoạn văn; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.*  **II**. **Yêu cầu về kiến thức**: *Bài viết cần đảm bảo được những kiến thức cơ bản sau:*  - Khẳng định công lao to lớn của cha mẹ trong việc sinh thành, nuôi dưỡng con cái.  - Con cái cần làm tròn trách nhiệm của mình đối với cha mẹ ngay từ khi còn nhỏ cho đến lúc trưởng thành. Khi còn nhỏ, bổn phận của con cái là phải biết vâng lời cha mẹ, chăm chỉ học tập rèn luyện để cha mẹ được vui lòng. Khi con cái dần trưởng thành cũng là lúc cha mẹ ngày càng già yếu đi, đây chính là lúc những người làm con cần làm làm tròn chữ hiếu của mình, đó là phải phụng dưỡng, chăm sóc chu đáo cho cha mẹ của mình, có như vậy mới làm tròn chữ hiếu của đạo làm con.  - Phê phán những người con không làm tròn trách nhiệm của mình đối với cha mẹ. |

**MÂY VÀ SÓNG**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1:** Bài thơ được thể hiện bằng hình thức ngôn ngữ nào?

###### **A. Đối thoại** B. Độc thoại C. Độc thoại nội tâm D. Đối thoại lồng trong độc thoại

**Câu 2:** Bài thơ thể hiện bằng ngôn ngữ nào?

###### **A. Ngôn ngữ hồn nhiên, trong sáng của trẻ thơ** B. Ngôn ngữ thơ ca lãng mạn bay bổng

C. Ngôn ngữ truyện trầm ngâm, sâu lắng D. Ngôn ngữ tưởng tượng, liên tưởng

**Câu 3:** Những nét đặc sắc về nội dung của bài thơ trên là gì?

###### **A. Tình mẫu tử thiêng liêng và triết lí sâu sắc về tình yêu cuộc sống**

B. Tái hiện bức tranh cuộc sống sinh động, chân thực

C. Thể hiện ước mơ tự do, bay bổng, lãng mạn D. Tái hiện bức tranh thiên nhiên đẹp, mơ mộng, kì ảo

**Câu 4:** Dòng nào sau đây nhận định không đúng về nhân vật em bé trong bài Mây và sóng?

###### **A. Yếu đuối, không thích các trò chơi** B. Ham chơi, tinh nghịch

C. Hóm hỉnh, sáng tạo D. Hồn nhiên, yêu thương mẹ tha thiết

**Câu 5:** Bài thơ gợi cho ta suy ngẫm về điều gì trong cuộc sống?

A. Thế giới thật bao la với vô vàn những điều hấp dẫn mà ta chẳng thể cảm nhận hết

B. Niềm vui, hành phúc chẳng phải điều gì bí ẩn, xa xôi mà ngay ở chính cõi đời này và do chính con người tạo nên

C. Để từ chối những cám dỗ trong cuộc đời cần có những điểm tựa vững chắc mà tình mẫu tử là một trong những điểm tựa ấy

###### **D. Gồm 2 ý B và C**

**Câu 6:** Câu thơ “Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào” được hiểu như thế nào?

A. Có một không gian riêng của tình mẫu tử mà không ai ngoài mẹ con ta biết được

B. Tình mẫu tử có ở khắp nơi, chứ không riêng một nơi nào

C. Thế giới của tình mẫu tử là thế giới huyền bí mà không ai nhận biết hết biết

###### **D. Tình mẫu tử là một thế giới thiêng liêng, vĩnh hằng, bất diệt, ai cũng biết nhưng chẳng thể biết hết được**

**Câu 7:** Nội dung chính của bài thơ là gì?

A. Miêu tả những trò chơi của trẻ thơ B. Thể hiện mối quan hệ giữa thiên nhiên và tâm hồn trẻ thơ

C. Ca ngợi hình ảnh người mẹ và tấm lòng bao la của mẹ ***D. Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt***

**Câu 8:** Nhân vật trữ tình trong bài thơ trên là gì?

A. Mây B. Sóng C. Người mẹ **D. Em bé**

**Câu 9:** Chủ đề bài thơ Mây và sóng là gì?

###### **A. Tình mẫu tử thiêng liêng** B. Tình bạn bè thắm thiết

C. Tình anh em sâu nặng D. Tình yêu thiên nhiên sâu sắc

**Câu 10:** Điểm giống và khác nhau giữa hai phần của bài thơ Mây và sóng là gì?

A. Đều có số dòng thơ bằng nhau nhưng cách xây dựng hình ảnh khác nhau

###### **B. Đều có cách tổ chức lời thơ giống nhau nhưng trình tự tường thuật khác nhau**

C. Có trình tự tường thuật khác nhau nhưng có cùng nội dung biểu đạt

D. Có trình tự tường thuật giống nhau nhưng ý và lời không trùng lặp

**Câu 11:** Nhận định nào là chính xác về nhà thơ Ta-go?

   A. Ta-go là nhà thơ cổ điển của nước Anh B. Ta-go là nhà thơ hiện đại của Anh

  C. Ta-go là nhà thơ cổ điển của Ấn Độ ***D. Ta-go là nhà thơ hiện đại của Ấn Độ***

**Câu 12:** Bài thơ Mây và sóng là lời của ai, nói với ai?

 A. Lời của người mẹ nói với đứa con  B. Lời của đứa con nói với mẹ

  C. Lời của con nói với bạn bè ***D. Lời của con nói với mẹ về những người sống trên sóng, trên mây.***

**Câu 13:** Ngoài ý nghĩa ca ngợi tình cảm mẹ con, bài thơ còn gợi cho ta thêm suy ngẫm về điều gì nữa?

A. Muốn khước từ những cám dỗ và quyến rũ trong cuộc đời, con người phải có điểm tựa vững chắc. Tình mẹ con chính là một trong những điểm tựa vững chắc đó.

B. Hạnh phúc không phải ở “trên mây” cao vợi, hay “trong sóng” xa xôi, do ai ban phát mà hạnh phúc ở ngay trong cuộc sống trần thế và đo chính con người chúng ta tạo dựng nên.

C. Những triết lý đơn giản mà đúng đắn về hạnh phúc trong cuộc đời.

###### **D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.**

**2. Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

*Trong sóng có người gọi con:*

*“Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn. Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mà không biết từng đến nơi nao”.*

*Con hỏi: “Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?”*

*Họ đáp: “Hãy rìa biển cả, nhắm nghiền mắt lại, cậu sẽ được làn sóng nâng đi”.*

*Con bảo – “Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?”*

*Thế là họ mỉm cười, nhảy múa lướt qua.*

(*Trích Ngữ văn7, tập hai)*

**Câu 1.** Những câu trích trên thuộc văn bản nào? Tác giả là ai?

**Câu 2.**Trong đoạn thơ, tác giả đã sử dụng hình thức ngôn ngữ nào?

**Câu 3.** Triết lí sâu xa mà tác giả muốn nhắn gửi tới người đọc qua bài thơ này là gì?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Những câu thơ trên trích trong văn bản Mây và song của tác giả Ta Go

**Câu 2:** - Hình thức ngôn ngữ: đối thoại

**Câu 3:** - Triết lí: Bài thơ ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt

**3. Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọcngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**  *Khi mây đông ù ù và mưa hè rào rào đổ xuống.*  *Gió đông thổi tới lững thững trên dải đất hoang thổi kèn trong rộng tre.*  *Khi ấy, từng bầy hoa không ai biết từ đâu chợt nảy sinh, đến nhảy múa say vui trên thảm cỏ.*  *Mẹ ạ, thực bụng con nghĩ rằng hoa đi học trong lòng đất.*  *Lớp của chúng kín cửa, và bông nào muốn ra sân chơi sớm thì thầy giáo bắt đứng một xó.*  *Mùa mưa tới là kì nghỉ hè của chúng.*  *Cành chen nhau trong rừng, lá xào xạc trong gió dại, sấm vỗ tay reo mừng, và những hoa con ùa ra với áo hồng, vàng hay trắng toát.*  *Mẹ có biết không, nhà chúng ở trên trời cùng với muôn sao.*  *Mẹ có thấy không, chúng hăm hở về trời biết bao? Mẹ có biết tại sao chúng vội và thế không?*  *Hẳn là con cũng đoán ngay được chúng giơ tay đón ai; chúng cũng có mẹ như con có vậy.*  *(Ta-go, Trăng non, Phạm Hồng Dung - Phạm Bích Thuỷ dịch trong Tuyển tập tác phẩm R. Ta-go, NXB Lao động, Hà Nội, 2004, tr. 639 - 640)*  **Câu 1.** Nhan đề Trường hoa gợi cho em liên tưởng tới điều gì?  **Câu 2**. Đọc bài thơ, ta như đang được nghe những lời trò chuyện. Theo em, trong bài thơ, ai nói với ai và nói về chuyện gì?  **Câu 3.** Theo lí giải của em bé, vì sao hoa lại hăm hở về trời?  **Câu 4**. Theo em, có phải em bé chỉ định kể với mẹ câu chuyện của hoa không? Vì sao em nhận xét như vậy?  **Câu 5**. Hãy tìm những dòng thơ kể về hoa trong bài thơ. Trong những dòng thơ đó, nhà thơ đã sử dụng những biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của những biện pháp tu từ đó.  **Câu 6.** Qua hai bài thơ Mây và sóng và Trường hoa, em cảm nhận tình cảm nhà thơ Ta-go dành cho trẻ em như thế nào? Vì sao? |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1.** Nhan đề Trường hoa có thể gợi lên nhiều liên tưởng:

-  Trường học có nhiều hoa rất đẹp.

- Ngôi trường của các loài hoa.

- Ngôi trường của các em bé đẹp như hoa.

- Ngôi trường đẹp như hoa.

**Câu 2.** - Trong bài thơ, em bé đang nói chuyện với mẹ và kể cho mẹ một câu chuyện tưởng tượng thú vị về các loài hoa.

- Em bé kể lại câu chuyện tưởng tượng về một ngôi trường trong lòng đất của các loài hoa. Ở đó, hoa cũng đi học. Mùa mưa là mùa nghỉ hè, các loài hoa đột nhiên ùa ra sân chơi, ấy là mặt đất. Các loài hoa mặc áo rực rỡ đủ sắc màu, nhảy múa, chơi đùa vui vẻ như các em học sinh. Buổi chiều, hoa tàn, các cánh hoa theo gió bay lên không trung nên em bé tưởng tượng rằng, hoa cũng như em, tan học, hoa vội về nhà của hoa ở trên trời. Chúng đi rất vội vã vì biết rằng có vòng tay mẹ đang mở rộng chờ đón ở nhà.

**Câu 3**. Theo lí giải của em bé, hoa hăm hở về trời vì nơi đó là nhà của chúng. Chúng biết mẹ đang nóng lòng chờ mình trở về sau mỗi buổi học. Chúng vội về nhà vì yêu mẹ, không muốn mẹ lo lắng; muốn được sà vào vòng tay mẹ yêu thương.

**Câu 4**. Em bé trong bài thơ mượn câu chuyện của hoa để nói lên tình yêu đối với mẹ của các em bé nói chung và của em nói riêng.

**Câu 5**. - Những dòng thơ kể về hoa:

+ Khi ấy, từng bầy hoa không ai biết từ đâu chợt nảy sinh, đến nhảy múa say vui trên thảm cỏ.

+ Mẹ ạ, thực bụng con nghĩ rằng hoa đi học trong lòng đất.

+ ớp của chúng kín cửa, và bông nào muốn ra sân chơi sớm thì thầy giáo bắt đứng một xó.

+ Mùa mưa tới là kì nghỉ hè của chúng.

+ Cảnh chen nhau trong rừng, ló xòo xạc trong giỏ đại, sấm vỗ tay reo mừng, và những hoa con ùa ra  với áo hồng, vàng hay trắng toát.

+ Mẹ có biết không, nhà chúng ở trên trời cùng với muôn sao.

+ Mẹ có thấy không, chúng hăm hở về trời biết bao? Mẹ có biết tại sao chúng vội vã thế không?

+ Hẳn là con cũng đoán ngay được chúng giơ tay đón ai; chúng cũng có mẹ như con có vậy.

- Trong những dòng thơ đó, nhà thơ đã dùng biện pháp tụ từ nhân hoá, khiến người đọc liên tưởng những bóng hoa với các em bé, cánh đồng hoa với trường học của các em bé. Giữa các em bé và những bóng hoa có nhiều điểm tương đồng nên không phải ngẫu nhiên mà người ta gọi tuổi thơ là “tuổi hoa? "hoa niên”... Trẻ em tươi đẹp, rực rỡ, sinh động như hoa. Hoa rung rinh trong gió như các em vui say ca múa. Hoa xuất hiện trên mặt đất theo mùa như các em được nghỉ ngơi, vui chơi theo kì (nghỉ hè). Những cảnh hoa tàn theo gió bay lên không trung như các em hăm hở về nhà với mẹ sau một ngày đi học ở trường. Nghệ thuật nhân hoá nhấn mạnh về đáng yêu và dễ thương của cả hoa và các em bé,

**Câu 6**. Nhà thơ Ta-go rất yêu trẻ thơ, ông nâng niu, trân trọng những gì đẹp đẽ trong các em với một tấm lòng bao dung, độ lượng và cái nhìn thiết tha trìu mến. Ông thấu hiểu trẻ và đã khắc hoạ trong thơ mình một thế giới trẻ thơ vô cùng dễ thương. Qua cái nhìn tiu mến của nhà thơ, trẻ em hiện lên với tất cả sự ngây thơ, trong sáng, giàu tình cảm, thông minh và sáng tạo, như là những thiên sứ mang thông điệp yêu thương đến với mặt đất này.

**MẸ VÀ QUẢ**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1**: Văn bản “Mẹ và quả” được sáng tác theo thể loại nào?

A. Tự do B. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật C. Lục bát D. Ngũ ngôn

**Câu 2**: Văn bản “Mẹ và quả” sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

A. Miêu tả B. Nghị luận C. Tự sự D. Biểu cảm

**Câu 3**: Câu thơ “Con hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi/Mình vẫn còn một thứ quả non xanh” sử dụng những biện pháp tu từ nào?

A. Điệp ngữ và nói giảm nói tránh B. Hoán dụ và ẩn dụ

C. Nhân hóa và ẩn dụ D. Ẩn dụ và nói giảm nói tránh

**Câu 4**: Qua bài thơ, người mẹ hiện lên là một con người như thế nào?

A. Là một người hiền lành, thật thà. B. Là một người yêu thương con.

C. Là một người phụ nữ yêu thương con, tần tảo, vất vả, giàu đức hi sinh.

D. Là một người phụ nữ chăm chỉ.

**2. Dạng bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:**  **MẸ VÀ QUẢ - Nguyễn Khoa Điềm**  *Những mùa quả mẹ tôi hái được*  *Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng*  *Những mùa quả mọc rồi lại lặn*  *Như mặt trời khi như mặt trăng.*  *Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên*  *Còn những bí và bầu thì lớn xuống*  *Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn*  *Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi.*  *Và chúng tôi, một thứ quả trên đời*  *Bảy mươi tuổi mẹ vẫn chờ được hái*  *Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi*  *Mình vẫn còn là một thứ quả non xanh?*    **Câu 1:** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của bài thơ?  **Câu 2**: Nêu nội dung chính của bài thơ?( trả lời trong khoảng 5-7 dòng)  **Câu 3**. Từ "quả" trong những câu thơ nào được dùng với ý nghĩa tả thực? Từ "quả" trong những câu thơ nào được dùng với ý nghĩa tượng trưng?  **Câu 4**. Tìm và chỉ ra ý nghĩa của các biện pháp tu từ được dùng trong hai câu thơ sau:  *"Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi*  *Mình vẫn còn một thứ quả non xanh"*  **Câu 5**. Ở khổ thơ thứ 2, hình ảnh mẹ hiện lên như thế nào? Qua đó, anh/chị hiểu gì về tình cảm của nhà thơ đối với mẹ?  **Câu 6:** Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về hai câu thơ:  “Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn  Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi” |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Phương thức biểu cảm.

**Câu 2:** Nội dung chính của bài thơ: Bằng sự trải nghiệm cuộc sống, với một tâm hồn giàu duy tư trăn trở trước lẽ đời, Nguyễn Khoa Điềm đã thức nhận được mẹ là hiện thân của sự vun trồng bồi đắp để con là một thứ quả ngọt ngào, giọt mồ hôi mẹ nhỏ xuống như một thứ suối nguồn bồi đắp để những mùa quả thêm ngọt thơm. Quả không còn là một thứ quả bình thường mà là “quả” của sự thành công, là kết quả của suối nguồn nuôi dưỡng. Những câu thơ trên không chỉ ngợi ca công lao to lớn của mẹ, của thế hệ đi trước với thế hệ sau này mà còn lay thức tâm hồn con người về ý thức trách nhiệm, sự đền đáp công ơn sinh thành của mỗi con người chúng ta với mẹ.

**Câu 3.** - Từ "quả" có ý nghĩa tả thực trong các câu thơ 1, 3.

- Từ "quả" có ý nghĩa tượng trưng trong các câu thơ 9 và 12, chỉ những đứa con lớn lên bằng tình yêu và sự săn sóc ân cần của mẹ.

**Câu 4.** - Các biện pháp tu từ trong 2 câu thơ là:

+ Hoán dụ "bàn tay mẹ mỏi", lấy bộ phận chỉ toàn thể, nói bàn tay mỏi để nói đến sự già yếu của mẹ.

+ Ẩn dụ so sánh "một thứ quả non xanh" - chỉ người con, ý nói vẫn chưa trưởng thành.

- Tác dụng:

+ Tăng sức gợi hình và biểu cảm cho câu thơ

+ Bộc lộ tâm tư sâu kín: Tác giả tự kiểm điểm chính mình chậm trưởng thành mà lo sợ ngày mẹ mẹ già yếu đi vẫn chưa thể nở một nụ cười mãn nguyện với "vườn người" mẹ đã vun trông suốt cả cuộc đời, lòng mẹ sẽ buồn đau. Tác giả sợ mình chưa thể báo đáp công ơn to lớn của mẹ cho trọn đạo hiếu. Qua đó, ta thấy ở nhà thơ tấm lòng yêu thương và biết ơn mẹ chân thành và vô cùng sâu sắc. Hai câu thơ cũng là nỗi lòng của biết bao kẻ làm con nên giàu sức ám ảnh, khiến người đọc không khỏi trăn trở, tự nhìn lại chính mình!

**Câu 5.**

- Khổ thơ thứ hai, với các hình ảnh "giọt mồ hôi mặn" "lòng thầm lặng mẹ tôi", tác giả đã khắc họa hình ảnh một người mẹ tảo tần, lam lũ, nhọc nhằn nhưng giàu đức hi sinh. Mẹ vẫn âm thầm chăm sóc, vun trồng cho những bầu, những bí như chăm sóc chính những đứa con của mẹ, dẫu gian truân không một chút phàn nàn. Nhà thơ đã có một hình ảnh so sánh độc đáo - dáng hình của bầu bí như dáng giọt mồ hôi, hay giọt mồ hôi mẹ cứ dài theo năm tháng, như những bí những bầu. Qua đó, hình ảnh mẹ hiện lên bình dị mà đẹp đẽ biết bao!

- Nhà thơ đã thấu hiểu những vất vả, sự hi sinh thầm lặng của mẹ đều vì con. Câu thơ "Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên" giọng ngậm ngùi chất chứa biết bao thương cảm, thành kính, biết ơn.

**Câu 6**: Có thể nói đây là những câu thơ tài hoa nhất trong bài, khắc sâu sự hy sinh thầm lặng của mẹ và lòng biết ơn vô bờ của người con về công dưỡng dục sinh thành của mẹ hiền. Hình ảnh “chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn” là kiểu hình ảnh so sánh, ví von dáng bầu bí như giọt mồ hôi mặn của mẹ. Đó là hình tượng giọt mồ hôi nhọc nhằn, kết tụ những vất vả hi sinh của mẹ. Câu thơ “Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi” gợi lên dáng vẻ âm thầm trong vất vả nhọc nhằn của mẹ để vun xới những mùa quả tốt tươi.

**3. Dạng bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới**  *“Củ khoai lớn ở ngoài đồng*                            *Ông trăng lên lớn ở trong bầu trời*                                 *Cánh buồm lớn giữa biển khơi*                            *Lá cờ lớn bởi gió vời lên cao.*                                 *Con đường lớn với khát khao*                            *Niềm vui lớn bởi tiếng chào, bàn tay*                                 *Còn như con của mẹ đây*                            *Trong vòng tay mẹ ngày ngày lớn lên.”*  *(Hát ru, Xuân Quỳnh, Thơ Xuân Quỳnh, Nxb Hội nhà văn, 2014, tr.232)*  **Câu 1**.Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của ngữ liệu trên.  **Câu 2:** Em hiểu thế nào về ý nghĩa của hai dòng thơ sau:  *Còn như con của mẹ đây*  *Trong vòng tay mẹ ngày ngày lớn lên.*  **Câu 3:** Chỉ ra hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong 6 dòng thơ đầu.  **Câu 4:** Theo em, qua lời ru trên, người mẹ muốn giáo dục cho con bài học gì ? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** - Thể thơ: Lục bát.

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

**Câu 2**: Ý nghĩa của hai dòng thơ:

*Còn như con của mẹ đây*

*Trong vòng tay mẹ ngày ngày lớn lên.*

HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo ý chính: Con lớn lên bằng tình yêu thương, che chở ….. của mẹ.

**Câu 3**: - Chỉ ra biện pháp tu từ: phép điệp/ điệp từ/ điệp cấu trúc (có dẫn chứng kèm theo).

- Chỉ ra hiệu quả:

+ Về nội dung: Nhấn mạnh những hiện tượng tự nhiên, xã hội có chung quy luật: vạn vật lớn lên nhờ có thế giới xung quanh, có cộng đồng.

+ Về nghệ thuật: Tạo nhịp điệu, âm hưởng cho lời ru.

**Câu 4**: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo ý chính: Đây là một bài học giản dị về ý thức cộng đồng. Không ai có thể tự mình lớn lên, nếu không có chiếc nôi rộng lớn là cuộc đời.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  *“…Quê hương là vòng tay ấm*  *Con nằm ngủ giữa mưa đêm*  *Quê hương là đêm trăng tỏ*  *Hoa cau rụng trắng ngoài thềm*  *….*  *Quê hương mỗi người chỉ một*  *Như là chỉ một mẹ thôi*  *Quê hương nếu ai không nhớ*  *Sẽ không lớn nổi thành người.”*  *(Trích bài thơ “Quê hương” - Đỗ Trung Quân)*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên?  **Câu 2**. Xác định nội dung của đoạn thơ?  **Câu 3**. Tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ?  **Câu 4.** Qua đoạn thơ tác giả muốn gửi gắm tới người đọc thông điệp gì? |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

**Câu 2**. - Đoạn thơ đã thể hiện được tình cảm yêu thương, gắn bó tha  thiết, sâu nặng với quê  hương của tác giả.

**Câu 3.**- Biện pháp tu từ:

+ Điệp ngữ “quê hương” được lặp lại 4 lần.

+ So sánh: *Quê hương là vòng tay ấm; là đêm trăng tỏ; như là chỉ một mẹ thôi.*

- Tác dụng: Nhẫn mạnh tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương của tác giả. Đồng thời đã làm nổi bật hình ảnh quê hương thật bình dị, mộc mạc nhưng cũng thật ấm áp, gần gũi, thân thương, máu thịt, thắm thiết.

**Câu 4.**- HS trình bày thành một đoạn văn (từ 5-7 câu)

- HS xác định thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân:

+ Vai trò của quê hương.

+ Giáo dục tình yêu quê hương

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới**  *Cảm ơn mẹ vì luôn bên con*  *Lúc đau buồn và khi sóng gió*  *Giữa giông tố cuộc đời*  *Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.*  *Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên*  *Mẹ dành hết tuổi xuân vì con*  *Mẹ dành những chăm lo tháng ngày*  *Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*  *Mẹ là ánh sáng của đời con*  *Là vầng trăng khi con lạc lối*  *Dẫu đi trọn cả một kiếp người*  *Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru…*  (Trích lời bài hát *Con nợ mẹ*, Nguyễn Văn Chung)  **Câu 1**. Xác định các từ láy có trong lời bài hát trên.  **Câu 2.** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *đi* trong câu: *“Dẫu đi trọn cả một kiếp người”?*  **Câu 3** Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong những câu sau:  *Mẹ dành hết tuổi xuân vì con*  *Mẹ dành những chăm lo tháng ngày*  *Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*  **Câu 4**: Các từ *vì, và, để* trong phần trích thuộc từ loại gì?  **Câu 5**:Từ đoạn thơ trên, viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em về tình mẹ.  **Câu 6:**  *Cảm ơn mẹ vì luôn bên con*  *Lúc đau buồn và khi sóng gió*  *Giữa giông tố cuộc đời*  *Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.*  Những câu ca trên gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa của lời cảm ơn trong cuộc sống? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** - Các từ láy: *vỗ về, nhẹ nhàng.*

**Câu 2.**- Nghĩa của từ ***đi***: *sống, trải qua.*

**Câu 3***.* - Nghệ thuật: Điệp ngữ (*Mẹ dành*).

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh sự chăm lo, hi sinh tuổi xuân, đánh đổi cả cuộc đời để con được trưởng thành, được chạm tới những ước mơ, khát vọng.

+ Khẳng định vai trò và tầm quan trọng của người mẹ trong cuộc đời mỗi con người.

**Câu 4** - Các từ *và, vì, để* là: Quan hệ từ

**Câu 5 :** Có một tình yêu thương cao cả và vĩ đại nhất trên đời – không phai nhạt theo tháng năm – đó là tình yêu của người mẹ dành cho con. Không có thứ tình cảm nào thiêng liêng và mạnh mẽ bằng tình mẹ đối với con. Trái tim của người mẹ là vực sâu muôn trượng mà ở dưới đáy, bạn sẽ luôn tìm thấy sự tha thứ. Tình yêu của người mẹ mang đến cho mỗi chúng ta là miễn phí và sự yên bình tốt nhất mà không đâu có được. Nó không cần bạn phải đạt được, nó không cần bạn phải xứng đáng. Mẹ là người sinh thành và nuôi dưỡng chúng ta khôn lớn, trưởng thành. Mẹ hi sinh và dành tình yêu thương vô điều kiện với mỗi người con. Đừng phụ tình mẹ bởi mẹ là người mang nặng, đẻ đau, nuôi dưỡng chúng ta khôn lớn. Mẹ dạy ta học ăn, học nói, học những điều hay lẽ phải trong cuộc đời. Lớn lên, mỗi lần vấp ngã trong cuộc đời, mẹ dang tay che chở. Mẹ dõi theo từng bước đi trong cuộc đời “Con dù lớn vẫn là con của mẹ/Đi suốt đời lòng mẹ vẫn theo con”. Bổn phận của mỗi đứa con là phải thấu hiểu sự hi sinh của mẹ, ghi nhớ công ơn của mẹ đến suốt cuộc đời. Biết chăm ngoan, học giỏi, nghe lời cha mẹ, sống hiểu thảo, yêu tương, phụng dưỡng cha mẹ khi về già. Tình thương yêu của người mẹ là nguồn năng lượng cho phép một người bình thường có thể làm những chuyện phi thường, là nơi để để mỗi chúng ta trở về nương tựa khi vấp ngã. Bởi thế, đừng ngỗ nghịch hay bất hiếu với mẹ bởi đó là hành vi trái với đạo đức làm người, là đánh mất lương tâm, đánh mất chính mình, phủ nhận nguồn gốc. Không có gì đáng chê trách và khinh bỉ bằng một đứa con bất hiếu.

**Câu 6.**

|  |
| --- |
| **Về hình thức:**  - Bố cục bài viết rõ ràng, kết cấu mạch lạc, ngắn gọn.  - Văn phong trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt… |
| **Về nội dung:** *Thí sinh có thể viết bài theo nhiều cách, dưới đây là những gợi ý định hướng chấm bài.*  *- Giải thích:* *Cảm ơn* là từ đáp thể hiện sự biết ơn của mình với lòng tốt hay sự giúp đỡ của người khác. Nó chính là cách thể hiện tình cảm, lối ứng xử của con người có văn hóa, lịch sự và biết tôn trọng những người xung quanh mình.  *- Chứng minh:*  + Khẳng định ý nghĩa và đưa ra những biểu hiện cũng như vai trò, tác dụng của lời *cảm ơn* trong cuộc sống.  + Lấy một số dẫn chứng, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ.  + Khẳng định: *Cảm ơn* là nét sống văn minh của con người có học thức, có giáo dục. *Cảm ơn* hoàn toàn không phải là hình thức phức tạp hóa ứng xử, là sự khách sáo mà nó là một sự cần thiết, là quy tắc giao tiếp giữa con người với con người. Bạn đang tự làm đẹp mình khi biết nói hai từ *cảm ơn*!  - Phê phán những hành động đi ngược lại lối sống tốt đẹp và văn minh này, đặc biệt trong xã hội ngày nay.  - Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân. |

**3. SAU GIỜ HỌC- HƯỚNG VỀ NHÀ**

\* Học bài: Nắm chắc các nội dung đã ôn tập, hoàn thiện nội dung các bài tập giáo viên giao.

***-*** Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em sau khi học xong văn bản trong đoạn viết có dùng dấu chấm lửng và biện pháp nói quá. ( Gạch, chân chỉ rõ)

\* Chuẩn bị bài**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ**

- Đọc kĩ tri thức Ngữ Văn có liên quan đến bài học

- Đọc kĩ định hướng, tím đặc điểm kiểu bài và lưu ý khi làm bài. Thức hiện các bước tạo lập văn bản theo gợi ý SGK.

|  |
| --- |
| ***Lớp 7 - HK II***  ***Ngày soạn :***  ***Ngày dạy :*** |

**TUẦN TIẾT VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI**

**CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng kiến thức về các pháp tu từ và dẫu chấm lửng để thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc xong bài thơ.

- Biết và hiểu cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ.

**2. Năng lực:**

**\* Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ, sáng tạo, hợp tác...

**\* Năng lực riêng:**

- HS biết viết đoạn văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu

thập tư liệu), tìm ý, lập dàn ý, viết, chỉnh sửa đoạn văn đã viết, rút kinh nghiệm cho bản thân.

- HS viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.

- HS biết giao tiếp, hợp tác, trình bày sản phẩm trước tập thể lớp, biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể).

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ*:* Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

- Nhân ái: Yêu quý, trân trọng cảnh vật, con người và truyền thống văn hóa của dân tộc.

- Trách nhiệm*:* Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án, PBT- Bảng phân công nhiệm vụ

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài,

**III. PHƯƠNG PHÁP:** Giải quyết vấn đề, thảo luận, trình bày 1 phút, hoạt động nhóm. thuyết trình, đàm thoại, gợi mở, sơ đồ tư duy.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**I**. **Ổn định tổ chức:**

**II. Kiểm tra bài cũ ( trong giờ)**

**III: Dạy học bài ôn :**

**1.Trước giờ học:**

- HS chuẩn bị kiến thức về thể loại

- Tìm hiểu về đặc điểm thể loại của tác phẩm, viết đoạn.

- Soạn bài: trả lời câu hỏi trong SBT và thưc hiện PHT ( có thể dùng vở thực hành để soạn bài)

**2. Trên lớp:**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

1. Mục tiêu: Kết nôi - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế bước vào giờ ôn tập kiến thức.
2. Nội dung hoạt động: HS hoàn thành Phiếu học tập
3. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

**d.** Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hãy kể tên một số tác phẩm thơ đã học. Em ấn tượng nhất tác phẩm nào? Hãy chia sẻ cảm xúc của em sau khi đọc xong tác phẩm thơ đó?

**HOẠT ĐỘNG 2:HỆ THỐNG KIẾN THỨC:**

**a.Mục tiêu:** Hs hệ thống kiến thức về đã học

**b.Nội dung**:Hs nắm chác kiến thức, trả lời câu hỏi

**c.Sản phẩm**:Câu trả lời của hs

**d.Tổ chức thực hiện:** Giáo viên chuyến giao nhiệm vụ:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của CV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Trình bày những hiểu biết của em về kiểu bài này? | **I. Kiến thức Ngữ văn:**  **1. Khái niệm:**  Viết đoạn vãn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ là nêu lên những cảm nghĩ của bản thân về bài thơ đó. Đoạn văn có thể nêu những cảm xúc về nội dung một khổ thơ. đoạn thơ hoặc yếu tố nghệ thuật đặc sắc mà em yêu thích.  **2. Yêu cầu:**  - Giới thiệu được bài thơ và tác giả. Nêu được ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.  - Diễn tả được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.  - Khái quát được cảm xúc về bài thơ.  \* Thực hành viết theo các bước  a. Lựa chọn bài thơ  b. Tìm ý  - Đọc bài thơ nhiều lần để có được cảm nhận chung về bài thơ.  - Nêu cảm xúc của em về những nét đặc sắc trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật (thể thơ, vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,...) của bài thơ.  - Ghi lại cảm xúc chung của em về bài thơ.  - Bài thơ viết về điều gì? Em thấy ấn tượng nhất với yếu tố nào trong bài thơ?  - Yếu tố ấy đặc sắc như thế nào (về nội dung hoặc nghệ thuật)?  - Yếu tố ấy đã mang lại cho em những cảm xúc gì? Vì sao?  + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao?  c. Lập dàn ý  - Mở đoạn: Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.  - Thân đoạn: Nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - Kết đoạn: Khái quát cảm xúc về bài thơ.  2. Viết bài  Dựa vào dàn ý đã lập, em viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Trong quá trình viết, hãy lưu ý:  - Đoạn văn cần có đầy đủ ba phần Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn.  - Các câu trong đoạn tập trung thể hiện nội dung chính của đoạn.  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp để thể hiện cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - Trình bày đúng hình thức đoạn văn.  3. Chỉnh sửa  **- Lưu ý:** Đọc kĩ để hiểu nội dung và nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ. Từ đó. Dẫn ra một khố thơ, đoạn thơ hoặc yếu tô nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ gây ấn tượng, gợi cảm xúc cho em.  - Khi viết đoạn văn. cần nêu rõ: Yếu tố nào (nội dung, nghệ thuật) của bài thơ đã tạo cho em cảm xúc? Đó là cảm xúc như thế nào? Vì sao em có cảm xúc đó?...  - Viết đoạn vãn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ là nêu lên những cảm nghĩ của bản thân về bài thơ đó. Đoạn văn có thể nêu những cảm xúc về nội dung một khổ thơ. đoạn thơ hoặc yếu tố nghệ thuật đặc sắc mà em yêu thích. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, SBT kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện: G yêu cầu Hs làm bài tập**

..  **Đề bài 1**:**Viết đoạn văn nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ Những cánh buồm (Hoàng Trung Thông).**

**a. Chuẩn bị**- Xem lại nội dung đọc hiểu bài Ông đồ.

- Xác định những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ..

**b. Tìm ý và lập dàn ý**

- Tìm ý cho đoạn văn bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:

+ Em thích nhất câu, khổ thơ, đoạn thơ nào hay cả bài thơ?

+ Em thích chi tiết nội dung hay nghệ thuật đặc sắc nào trong bài thơ? VÌ sao?

+ Câu, khổ, đoạn thơ hay chi tiết nội dung hay yếu tố nghệ thuật đó đã mang lại cho em cảm xúc gì?

- Lập dàn ý cho đoạn văn bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:

+ Mở bài: Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ

+ Thân bài: Nêu cụ thể cảm xúc của em về yếu tố nọi dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn.

+ Kết bài: Khái quát lại suy nghĩ của bản than về yếu tố mang lại cảm xúc ấy

**c. Viết**  Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập

**d. Kiểm tra và chỉnh sửa**

**Đoạn văn tham khảo**

Bài thơ Những cánh buồm của Hoàng Trung Thông là một bài thơ viết về hình ảnh cha con để nói lên những ước mơ, khát vọng. Nhiều người khi đọc bài thơ này hẳn sẽ ấn tượng với hình ảnh cánh buồm, nhưng em lại ấn tượng với hình ảnh ánh nắng in lên vai hai cha con: "Ánh nắng chảy đầy vai". "Chảy" vốn là một từ được dùng cho chất lỏng, không phải cho ánh sáng. Vậy mà nhà thơ lại sử dụng nó để miêu tả sự chiếu sáng của ánh nắng. Vậy là từ một thứ không cầm nắm được, giờ đây ánh sáng đã được cụ thể hóa. Chính việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ này đã làm cho câu thơ gợi cảm hơn, khiến cho người đọc có nhiều liên tưởng hơn. Bài thơ Những cánh buồm của Hoàng Trung Thông không chỉ có ý nghĩa về mặt nội dung, mà ở hình thức nghệ thuật của nó cũng thật ý nghĩa vì đã tạo nên những liên tưởng gợi cảm.

**Đề bài 2:** **Viết đoạn văn nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ *Mây và sóng* (Ta-go).**

**Đoạn văn tham khảo**

Bài thơ *Mây và sóng* của Ta-go là một bài thơ giàu hình ảnh ẩn dụ và đề cao tình mẫu tử thiêng liêng. Hẳn nhiều người sau khi đọc xong bài thơ này sẽ ấn tượng với tình mẫu tử của hai mẹ con trong bài thơ, nhưng với tôi, tôi lại ấn tượng bởi cách tác giả tạo lập bài thơ. Đó là cách tác giả sử dụng hình ảnh ẩn dụ như mây, sóng để nói đến những điều kì thú của thiên nhiên, những điều hấp dẫn của thế giới. Đó là cách tác giả tạo nên cấu trúc hai đoạn thơ đầu trong bài. Chúng được sắp xếp theo một trình tự: Những điều hấp dẫn đang mời gọi đứa trẻ; Đứa trẻ rất háo hức nhưng nghĩ đến tình cảm mẹ dành cho mình nên đã từ chối. Việc lặp lại hình thức hai đoạn thơ đầu trong bài cũng là một cách lặp rất... thơ! Người đọc tưởng như đến đoạn ba, cũng sẽ tiếp tục là một sự "cám dỗ" nào đó và em bé sẽ vượt qua. Nhưng không, ở đoạn thơ thứ ba, đó là sự thay đổi, em bé đã chủ động nghĩ ra những trò chơi thú vị và chơi cùng mẹ. Chính ở đoạn thơ này, tình mẫu tử được thể hiện rõ nét nhất, và đó cũng là thông điệp mà cả bài thơ hướng đến. Ai đó đã từng nói: "Nội dung là nội dung của hình thức. Hình thức là hình thức của nội dung". Cấu trúc trong bài thơ Mây và sóng quả thực đã góp phần thể hiện thành công tư tưởng của chính nó.

**Đề bài 3: Viết đoạn văn nêu cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ *Mẹ và quả* (Nguyễn Khoa Điềm).**

**Đoạn văn tham khảo**

Sau khi đọc xong bài thơ *Mẹ và quả* của Nguyễn Khoa Điềm, tôi đặc biệt ấn tượng với khổ thơ cuối trong đó. Ở khổ thơ cuối, ta có thể thấy được tình cảm của chủ thể trữ tình dành cho mẹ. Đó là sự yêu thương xen lẫn với lo lắng. Sự lo lắng ở đây là chỉ sợ khi mẹ đã già yếu mà "lũ chúng tôi" vẫn chưa lớn khôn, vẫn chưa trở thành nơi để cho mẹ cậy nhờ, trông đợi. Tình mẫu tử luôn là một đề tài hay, nhưng nói cái gì trong đó mới tạo nên ấn tượng? Sự lo lắng khi mẹ già mà mình chưa lớn, chưa thành chỗ dựa cho mẹ là một nội dung cảm động và mới mẻ. Chưa cần nói đến hình thức nghệ thuật của bài thơ này, chỉ với nội dung, bài thơ Mẹ và quả của Nguyễn Khoa Điềm cũng đã đủ để chúng ta đọc và suy ngẫm.

**ĐÈ NGOÀI SGK.**

**Đề 4: Cảm nhận của em về đoạn thơ sau**

*Những chị lúa phất phơ bím tóc*

*Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học*

*Đàn cò áo trắng*

*Khiêng nắng*

*Qua sông*

*Cô Gió chăn mây trên đồng*

*Bác Mặt Trời đạp xe qua đỉnh núi*

*(Em kể chuyện này, 1968- Trần Đăng Khoa)*

**\*Gợi ý làm bài**

- Nội dung đoạn thơ: tả cảnh thiên nhiên làng quê vào một ngày đẹp trời

- Biện pháp nghệ thuật nhân hoá: các sự vật, hiện tượng được gọi tên, được miêu tả như con người.

- Tác dụng: Khiến sự vật, hiện tượng ấy trở nên sống động, gần gũi như thế giới con người. Giúp người đọc cảm nhận được dường như cả thế giới thiên nhiên, tạo vật đang hoạt động, đang tràn đầy sức sống

- Qua đó cho thấy nhà thơ là người yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, trí tưởng tượng bay bổng và có tâm hồn nhạy cảm trước thiên nhiên và cuộc đời.

**Bài tham khảo.**

Trần Đăng Khoa sinh ra ở một làng quê miền đồng bằng Bắc Bộ. Thiên nhiên nơi đây đã nuôi dưỡng tâm hồn Khoa. Và thiên nhiên đã bước vào thơ Trần Đăng Khoa thật nhẹ nhàng mà thật sinh động. Bài thơ “Em kể chuyện này “ là một trong những bài thơ vẽ lên cảnh đẹp tuyệt vời của cảnh đẹp quê hương. Trong đoạn thơ, tác giả đã sử dụng rất hiệu quả biện pháp nhân hoá.

*Những chị lúa phất phơ bím tóc*

*…*

*Bác Mặt trời đạp xe qua đỉnh núi*

Các sự vật được gọi và tả bằng những từ ngữ vốn dụng để gọi người: Chị lúa, cậu tre, cô gió, bác Mặt Trời. Những từ ngữ vốn miêu tả hoạt động của con người: bá vai nhau thì thầm đứng học, đàn cò áo trắng, khiêng nắng, đạp xe. Phép nhân hóa cho em cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên làng quê vào một ngày đẹp trời. Làng quê với cánh đồng lúa xanh mướt. Hàng tre xanh đung đưa trong gió nhẹ. Những cánh cò trắng chao nghiêng trong nắng vàng rực rỡ. Những đám mây bồng bềnh trôi giữa trời. Tài liệu của nhung tây Tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được dường như cả thế giới thiên nhiên, tạo hoá đang hoạt động, ai vào việc nấy. Tất cả căng tràn nhựa sống và tha thiết với cuộc đời. Những sự vật được nhà thơ thổi vào đó linh hồn khiến chúng trở nên sinh động như thế giới con người. Phải là người yêu thiên nhiên, yêu làng quê, có tâm hồn nhạy cảm trước vẻ đẹp c ủa thiên nhiên thì mới có thể cảm nhận và viết lên những dòng thơ hay như thế. Nhà thơ Trần Đăng Khoa đã truyền thêm cho em tình yêu quê hương đất nước, yêu thiên nhiên, cuộc đời. Tài liệu của nhung tây

**Đề 5: Cảm nhận của em về những dòng thơ sau:**

*“Đây con sông như dòng sữa mẹ*

*Nước về xanh ruộng lúa, vườn cây*

*Và ôm ấp như lòng người mẹ*

*Chở tình thương trang trải đêm ngày.”*

*(Vàm Cỏ Đông - Hoài Vũ)*

**Gợi ý:**

- Nghệ thuật: So sánh tuyệt đối, chính xác nên thơ.

- Nội dung : Sự gắn bó đầy ân tình thủy chung của dòng sông đối với cuộc sống nơi làng quê.

- Sự gắn bó tình nghĩa sâu nặng giữa con sông với con người giữa thiên nhiên với cuộc sống là sự gắn bó máu thịt của con người trong tình yêu làng quê tha thiết.

- So sánh dòng sông như dòng sữa mẹ nuôi dưỡng sự sống của quê hương làm cho ruộng lúa vườn cây xanh non hòa chung trong màu xanh tràn trề nhă sống. Dòng sông như lòng người mẹ phủ đầy tình hương, trang trải tình thương cho mọi người.

**3. SAU GIỜ HỌC- HƯỚNG VỀ NHÀ**

\* Học bài: Nắm chắc các nội dung đã ôn tập, hoàn thiện nội dung các bài tập giáo viên giao.

***-*** Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em sau khi học xong văn bản

\* Chuẩn bị bài**Ôn tập giữa kì II**

- Đọc kĩ tri thức Ngữ Văn có liên quan đến bài 6,7

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng: đọc hiểu văn bản trong các bài 6,7 và kĩ năng tạo lập văn bản đã học trong các bài 6,7 để luyện đề kiểm tra giữa kì II

-Vận dụng các kiến thức tiếng việt trên vào viết đoạn văn biểu cảm sau khi đọc xong bài thơ (hoặc đoạn văn ,bài văn nghị luận về phân tích đặc điểm nhân vật )

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

…Hạt gạo làng ta  
Có bão tháng bảy  
Có mưa tháng ba  
Giọt mồ hôi sa  
Những trưa tháng sáu  
Nước như ai nấu  
Chết cả cá cờ  
Cua ngoi lên bờ  
Mẹ em xuống cấy…  
 (Trích “*Hạt gạo làng ta*” – Trần Đăng Khoa)

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1.**  Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ:“Nước như ai nấu/ Chết cả cá cờ” là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. So sánh | C. Ẩn dụ |
| B. Nhân hóa | D. Hoán dụ |

**Câu 2.**  Từ ***lên*** trong câu thơ “*Cua ngoi lên bờ*” là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phó từ | C. Danh từ |
| B. Động từ | D. Tính từ |

**Câu 3.**  Các từ ***bảy, ba, sáu*** trong đoạn thơ trên là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phó từ | C. Lượng từ |
| B. Số từ | D. Chỉ từ |

**Câu 4.**  Hiệu quả của phép tu từ được sử dụng trong hai câu thơ Nước như ai nấu/Chết cả cá cờ là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Gợi ra được sức nóng của nước, đồng thời gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân. | C. Gợi ra mức độ khắc nghiệt của thời tiết, làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn |
| B. Gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân, làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn | D. Hình ảnh hiện lên cụ thể hơn, gợi được sức nóng của nước, mức độ khắc nghiệt của thời tiết; đồng thời gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân. |

**Câu 5.**  Cặp câu thơ nào có sử dụng hình ảnh tương phản:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cua ngoi lên bờ  Mẹ em xuống cấy… | C. Có bão tháng bảy  Có mưa tháng ba |
| B. Giọt mồ hôi sa  Những trưa tháng sáu | D. Nước như ai nấu  Chết cả cá cờ |

**Câu 6.**  Những giá trị của “hạt gạo làng ta” mà tác giả muốn khẳng định qua đoạn thơ là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người lẫn tinh hoa của trời đất. | C. Hạt gạo là sự kết tinh của tinh hoa của trời đất, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần. |
| B. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người lẫn tinh hoa của trời đất, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần. | D. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần. |

**Câu 7.**  Từ ***sa*** trong câu thơ “Giọt mồ hôi sa” có nghĩa là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Rơi xuống, lao xuống | C. Đi xuống |
| B. Ngã xuống | D. Đi đến một nơi nào đó |

**Câu 8.**  Cách gieo vần của đoạn thơ dưới đây là:

Hạt gạo làng **ta**  
 Có bão tháng bảy  
 Có mưa tháng **ba**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vần lưng | C. Vần lưng, vần liền |
| B. Vần chân | D. Vần chân, vần cách |

**Câu 9.**  Bài học mà em rút ra được qua đoạn trích trên là gì?

**Câu 10.**  Nhận xét về một nét nghệ thuật đặc sắc trong đoạn thơ trên?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

**Viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật bé Em trong đoạn trích sau:**

Con bé Em cười tủm tỉm khi nghĩ tới cái áo đầm màu hồng mà má nó mới mua cho:

- Tết này, mình mà mặc cái áo đó đi chơi, đẹp như tiên cho mà coi.

Nó nghĩ và nó muốn chia sẻ với con Bích, bạn nó.

Con Bích ở trong hẻm, nhà nó nghèo, má nó đi bán bắp nướng ngoài đầu hẻm, con bé Em thích con Bích vì nó hiền, với lại ngồi kế nhau từ lớp một tới lớp năm, làm sao mà không thân cho được. Hôm hai mươi sáu, học buổi cuối năm, hai đứa nôn Tết quá quá trời nên tính trước, nếu mùng một con bé Em đi về ngoại thì mùng hai hai đứa đi tới nhà cô giáo. Bây giờ con bé Em tính trong đầu, tới bữa đó chắc nhiều bạn nữa, cho nên nó sẽ mặc cái áo đầm mới thắt nơ, bâu viền kim tuyến cho tụi bạn lé con mắt luôn.

Con Bích đang ngồi nướng bắp thế cho má nó đi sách cặn cho heo. Bé Em muốn khoe liền nhưng bày đặt nói gièm:

- Còn mấy ngày nữa Tết rồi hen, mầy có đồ mới chưa?

- Có, má tao đưa vải cho cô Ba thợ cắt rồi, má tao nói gần Tết đồ nhiều, dồn đống, chắc tới hai mươi tám mới lấy được.

- Vậy mầy được mấy bộ?

- Có một bộ hà.

Con bé Em trợn mắt:

- Ít quá vậy?

- Con Út Mót với con Út Hết được hai bộ. Tao lớn rồi, nhường cho tụi nó.

- Vậy à?

Bé Em mất hứng hẳn, nó lựng khựng nửa muốn khoe, nửa muốn không.

Nhưng rõ ràng là con Bích không quên nó:

- Còn mầy?

- Bốn bộ. Má tao mua cho đủ mặc từ mùng một tới mùng bốn, bữa nào cũng mặc đồ mới hết trơn. Trong đó có bộ đầm hồng nổi lắm, hết sẩy luôn.

- Mầy sướng rồi.

Con Bích nói xong vẫn cười nhưng mắt nó xịu xuống, buồn hẳn. Nhà nó nghèo, sao bì được với nhà con bé Em. Hồi nhỏ nó chuyên mặc áo con trai của anh Hai nó để lại. Áo nó thì chuyền cho mấy đứa em, tới con Út Hết là đồ đã cũ mèm, mỏng tang, kéo nhẹ cũng rách. Được cái mấy chị em nó biết thân, lo học chớ không so đo chuyện cũ mới, má nó nói hoài, “Nhà mình nghèo quá hà, ráng vài năm nữa, khá giả rồi má sắm cho”. Con bé Em nhìn con Bích lom lom rồi cúi xuống, trở trở trái bắp nướng:

- Bộ đồ mầy mai chắc đẹp lắm, bữa mùng hai mầy mặc bộ đó đi nhà cô hen?

Rồi tới mùng một, mùng hai, bé Em lại rủ con Bích đi chơi. Hai đứa mặc đồ hơi giống nhau, chỉ khác là con Bích mặc áo trắng bâu sen, con bé Em thì mặc áo thun có in hình mèo bự. Cô giáo tụi nó khen:

- Coi hai đứa lớn hết trơn rồi, cao nhòng.

Hai đứa cười. Lúc đó con bé Em nghĩ thầm, mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vậy chớ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý bé Em. Thiệt đó. (*Áo Tết*- Nguyễn Ngọc Tư)

**HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | - Nhận thấy và thấu hiểu nỗi vất vả của người nông dân;  - Nâng niu, trân trọng những sản phẩm lao động của họ;  - Qua đó thể hiện lòng biết ơn, quý trọng  + Sử dụng tiết kiệm các sản phẩm lao động của họ,..  + Lao động chăm chỉ để tạo ra những sản phẩm có giá trị,.. | 1,0 |
| **10** | Hs có thể chọn một trong những nét nghệ thuật tiêu biểu  - Sử dụng phương thức miêu tả và biểu cảm  - Biện pháp tu từ: so sánh, liệt kê, điệp ngữ,.. | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài* *phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.*  Mở bài : giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật, Thân bài : phân tích đặc diểm nhân vật, Kết bài : Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *phân tích đặc điểm nhân vật* | 0,25 |
|  | *c. Phân tích đặc điểm nhân vật*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Nhân vật bé Em là một cô bé giàu lòng nhân ái, đồng cảm với bạn bè  ( Hs lấy những bằng chứng trong đoạn trích để làm rõ đặc điểm nhân vật)  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại đậm chất Nam Bộ | *2,0*  *0,5* |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, có cách nhìn mới mẻ, suy nghĩ sâu sắc về nhân vật | 0,5 |

|  |
| --- |
| ***Lớp 7 - HK II***  ***Ngày soạn :***  ***Ngày dạy :*** |

**TUẦN TIẾT ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng: đọc hiểu văn bản trong các bài 6,7,8 và kĩ năng tạo lập văn bản đã học trong các bài 6,7 để luyện đề kiểm tra giữa kì II

- Biết và hiểu về tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh, công dụng của dấu chấm lửng,, ngữ cảnh , liên kết và tính mạch lạc của văn bản

- Vận dụng các kiến thức tiếng việt trên vào viết đoạn văn biểu cảm sau khi đọc xong bài thơ (hoặc đoạn văn nghị luận về vấn đề trong đời sống.)

**2. Năng lực:**

**\* Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ, sáng tạo, hợp tác...

**\* Năng lực riêng:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức của các thể loại.

- Năng lực thu thập thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm nhận liên quan đến thể loại.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về bài học từ văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm.

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng cái riêng biệt nhưng phải biết hoà đồng, gần gũi với mọi người.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án, PBT- Bảng phân công nhiệm vụ

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn , soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài,

**III. PHƯƠNG PHÁP:** Giải quyết vấn đề, thảo luận, trình bày 1 phút, hoạt động nhóm. thuyết trình, đàm thoại, gợi mở, sơ đồ tư duy.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**I**. **Ổn định tổ chức:**

**II. Kiểm tra bài cũ ( trong giờ)**

**III: Dạy học bài ôn :**

**1.Trước giờ học:**

- HS chuẩn bị kiến thức về thể loại

- Tìm hiểu về đặc điểm thể loại của tác phẩm, viết đoạn.

- Soạn bài: trả lời câu hỏi trong SBT và thưc hiện PHT ( có thể dùng vở thực hành để soạn bài)

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

1. Mục tiêu: Kết nôi - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế bước vào giờ ôn tập kiến thức.
2. Nội dung hoạt động: HS hoàn thành Phiếu học tập
3. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

**d.** Tổ chức thực hiện hoạt động:

GV yêu cầu HS kể tên một số bài thơ mà em đã học, đã đọc và nêu ấn tượng, cảm nhận riêng của mình..

**HOẠT ĐỘNG 2:HỆ THỐNG KIẾN THỨC:**

**a.Mục tiêu:** Hs hệ thống kiến thức về đã học

**b.Nội dung**:Hs nắm chác kiến thức, trả lời câu hỏi

**c.Sản phẩm**:Câu trả lời của hs

**d.Tổ chức thực hiện:** Giáo viên chuyến giao nhiệm vụ:

**2. Trên lớp:**

**I. VĂN HỌC :**

**1. Bảng thống kê thể loại văn học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thẻ loại** | **Khái niệm** | **Đặc điểm cơ bản** | **Điều cần lưu ý khi đọc thể loại** |
| **Truyện ngụ ngôn** | Truyện ngụ ngôn là những truyện ngắn gọn, hàm súc, bằng văn xuôi hoặc văn vần. Truyện thường đưa ra bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống. | **+ Đề tài :** Thường là những vấn đề đạo đức hay cách ứng xử trong cuộc sống.  + **Nhân vật :**Là loài vật, đồ vật, cây cối hoặc chính con người. Các nhân vật không có tên riêng thường được gọi bằng các danh từ chung như : rùa, thỏ, cừu, chó sói..  + **Sự kiện :** ( Sự việc ) là yếu tố quan trọng làm nên câu chuyện  + **Cốt truyện :** Thường xoay quanh 1 sự kiện ( Một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiếm diện, sai lầm..).nhằm đưa ra bài học hoặc lời khuyện nào đó.  + **Tình huống truyện :** Là tình thế được tạo bởi một sự kiện đặc biệt qua đó đặc điểm tính cách của nhân vật và tư tưởng của nhà văn được thể hiện rõ.  + **Không gian :** Là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật, nơi xảy ra sự kiện ( VD : Khu rừng, một giếng nọ...)  + **Thời gian :** Là một thời điểm, khoảnh khắc nào đó mà sự việc câu chuyện xảy ra.  ***🡪 Bài học rút ra từ câu chuyện*** : Là điều mà tác giả dân gian muốn gửi gắm người đọc qua câu chuyện | - Về cốt truyện: Nắm được cốt truyện và ý nghĩa của truyện.  -Nhân vật trong truyện và nhân vật chính là ai?  -Bối cnhr của truyện có gì độc đáo?  - Phát hiện bài học cuộc sống mà truyện muốn thể hiện.  -Rút ra bài học cho bản thân từ câu chuyện. |
| **Tục ngữ** |  | **-** Cấu tạo: tiếng  - Vần, nhịp  - Nghệ thuật  - Cơ sở thực tiến  - Nội dung  - Kinh nghiệm và phạm vi sử dụng | -Tìm và giải nghĩa các từ ngữ khó (nghĩa đen, nghĩa bóng) từ đó hiểu nội dung,ý nghĩa chung của câu tục ngữ.  -Nhận biết được những yếu tố hình thức (số lượng chữ, vần, nhịp, biện pháp tu từ…)của tục ngữ và tác dụng của các yếu tố đó. |
| **Thơ** |  | **-** Cấu tạo: s[s tiếng, dòng, khổ thơ.  - Vai trò của vần thơ : Liên kết các dòng và câu thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc.  - Tác dụng của nhịp thơ : Tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung thơ.  - Mạch cảm xúc bao trùm.  - Ngôn ngữ trong thơ:  - Hình ảnh trong thơ:  - Là những chi tiết, cảnh tượng từ thực tế cuộc sống, được tái hiện bằng ngôn ngữ thơ ca, góp phần diễn tả cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người.  - Biện pháp tư từ : ( So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ,...).  - Thông điệp: Là bài học, cách ứng xử mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc. | Phải chú ý từ ngữ, hình ảnh ,vần, nhịp, các biện pháp tu từ.  + vì ngôn ngữ trong thơ thường ngắn gọn, cô đọng, hàm súc,gợi hình ,gợi cảm nên người đọc phải chủ động liên tưởng,tưởng tượng để hiểu hết sự phong phú của ý thơ.  +Hình ảnh trong thơ là hình ảnh con người, cảnh vật…giúp cho việc diễn đạt nội dung thêm gợi hình ,gợi cảm,sinh động.Việc sử dụng các từ ngữ có tính gợi tả, kết hợp cả cách gieo vần, ngắt nhịp và các biện pháp tu từ:Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ…Các hình ảnh trong thơ trở lên sinh động, giàu chát nhạc, chất họa hơn. |
| **Nghị luận xã hội** |  |  | Văn bản viết về vấn đề gì của đời sống xã hội?  - Nhan đề thường cho biết nội dung, đề tài của bài viết.  -Mục đích của văn bản này là để khen(ca ngợi)hay chê(phê phán)về một vấn đề trong đời sống,xã hội.  -Các ý kiến, dẫn chứng,lí lẽ đưa ra phải rõ ràng,thiết thực,có độ tin cậy và có sức thuyết phục người đọc người nghe.  - Vấn đề bài viết nêu lên có liên quan gì đến cuộc sống hiện nay và với bản thân? |

**2. Bảng thống kê tác phẩm văn học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thể loại**  **Văn bản**  **Tác giả**  **Xuất xứ** | **Thể loại**  **PTBĐ**  **Ngôi kể**  **Nhân vật** | **Đặc điểm cơ bản** | **Tình huống- sự việc chính**  **Mạch cảm xúc**  **Vẫn đề NL**  **Lí lẽ- bằng chứng** | **Nghệ thuật** | **Nội dung** | **Thông**  **điệp** | **Điều em tâm đắc với một đoạn văn bản (ví dụ)** |
| **Bài 6: Truyện ngụ ngôn**  “***Ếch ngồi đáy giếng”*** |  |  |  |  |  |  |  |
| **“Đẽo cày giữa đường”** |  |  |  |  |  |  |  |
| **“Bụng, chân tay, tai, mắt miệng”** |  |  |  |  |  |  |  |
| **“Tục ngữ về thiên nhiên lai động sản xuất , con người và xã hội”** |  |  |  |  |  |  |  |
| **Bài 2: Thơ**  ***“Những cánh buồm” Hoàng Trung Thông*** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***“Mây và sóng”***  **Ta-go** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***“Mẹ và quả”*** |  |  |  |  |  |  |  |

**II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Khái niệm** |
| Dấu chấm lửng: | Dấu chấm lửng, còn gọi là dấu … là dấu câu ,được sử dụng rộng rãi trong các câu văn trên toàn thế giới. bày tỏ ý còn nhiều sự vật , hiện tượng chưa liệt kê hết. thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. |
| Nói quá,nói giảm, nói tránh. | -Nói quá(khoa trương):Là biện pháp tu từ dùng cách phóng đại mức độ,tính chất của sự vật,hiện tượng được miêu tả nhằm gây ấn tượng,tăng sức biểu cảm. |
| Nói quá,nói giảm, nói tránh. | -Nói quá(khoa trương):Là biện pháp tu từ dùng cách phóng đại mức độ,tính chất của sự vật,hiện tượng được miêu tả nhằm gây ấn tượng,tăng sức biểu cảm. |
| Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh | Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh có vai trò:Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe xác định xác định nghĩa cụ thể của các từ đa nghĩa |
| Liên kết | -Liên kết là sự thể hiện mối quan hệ về nội dung giữa các câu,các đoạn,các phần của văn bản bằng phương tiện ngôn ngữ thích hợp |
| Mạch lạc | Mạch lạc là sự thống nhất về chủ đề và tính loogic của văn bản.Một văn bản được coi là có tính mạch lạc khi các phàn các đọan,các câu của văn bản đều nói về một chủ đề vsf được sắp xếp theo một trình tự hợp lý. |

**III. VIẾT:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các kiểu bài viết** | **Dàn ý** |
| Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.  **.** Phân tích đặc điểm nhân vật là nêu lên nhận xét về các đặc điểm của nhân vật và làm sáng tỏ các đặc điểm ấy.  - Đặc điểm của nhân vật thường được thể hiện qua những nét tiêu biểu như: lai lịch, hoàn cảnh, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ…. | . **\* Mở bài:**  - Giới thiệu truyện ngụ ngôn và nhân vật phân tích.  - Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  **\* Thân bài:**  - Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ các đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết trong tác phẩm.  + Lai lịch: nhân vật đó xuất hiện như thế nào?  + Ngoại hình  + Hành động và việc làm của nhân vật.  + Ngôn ngữ của nhân vật.  + Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.  + Mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác.  => Nhận xét, đánh giá về nhân vật (suy nghĩ, cảm xúc,…về các đặc điểm của nhân vật đã phân tích)  - Nhận xét đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm.  **\* Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật  - Nêu bài học và ý nghĩa rút ra về nhân vật.  - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa của nhân vật với đời sống. Rút ra bài học, liên hệ. |
| Viết đoạn vãn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ là nêu lên những cảm nghĩ của bản thân về bài thơ đó. Đoạn văn có thể nêu những cảm xúc về nội dung một khổ thơ. đoạn thơ hoặc yếu tố nghệ thuật đặc sắc mà em yêu thích. | **\* Mở bài:** Giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả, nêu cảm xúc chung của em về bài thơ.\* **Thân bài** : Trình bày cảm xúc của người viết về nghệ thuật, nội dung, chủ đề, thông điệp của bài thơ. Có làm rõ được cảm xúc người viết bằng hình ảnh, từ ngữ trích từ bài thơ (phải đặt trong ngoặc kép). Biết dung từ ngữ liên kết giúp đoạn văn liền mạch, chuyển ý được nhịp nhàng hơn.  \*  **Kết bài**: Khẳng định lại giá trị của bài thơ và cảm xúc, ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân. |
| - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. |  |

**IV. NÓI:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các kiểu bài nói** | **Dàn ý** |
| Kể lại một truyện ngụ ngôn. |  |
| **Trao đổi về một vấn đề** |  |
| Thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, SBT kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện: G yêu cầu Hs làm bài tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của CV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1*.Giải nghĩa các câu tục ngữ?***  ***2.Tìm những câu tục ngữ trái nghĩa với các câu trên***  ***3.Kể tên 1 số câu chuyện ngụ ngôn mà em biết? Qua những câu chuyện đó em rút ra bài học gì?*** | 1 Tục ngữ:  +Một giọt máu đào hơn ao nước lã:đề cao quan hệ huyết thống  +Bán anh em xa mua láng giềng gần:coi trọng quan hệ láng giềng  +Ai ăn mặn người nấy khát nước:ai làm điều không tốt thì người đó phải chịu hậu quả  +Đời cha ăn mặn đời con khát nước:cha mẹ làm điều xấu xa, con cái phải chịu quả báo  +Không thầy đố mày làm nên:Trong học tập, người thầy đóng vai trò rất quan trọng. Thầy giỏi, có phương pháp dạy học tốt thì trò sẽ mau tiến bộ.  +Học thầy chẳng tày học bạn: Học thầy là rất quan trọng, nhưng cũng phải biết học bạn nữa   |  |  | | --- | --- | | ***Đồng nghĩa*** | ***Trái nghĩa*** | | -Người sống hơn đống vàng.  -Lấy của che thân, không ai lấy thân che của. | -Của trọng hơn người. | | -Uống nước nhớ nguồn.  -Uống nước nhớ người đào giếng. | - Ăn cháo đá (đái) bát.  -Được chim bẻ ná, được cá quên nơm. |   **2, Truyện ngụ ngônL** |

**Đề 1**

MÈO ĂN CHAY

Có một con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vồ bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà.

Một hôm, mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh và nói rằng từ nay nó không bắt chuột nữa vì nó tu hành nên kiêng ăn thịt sống, kiêng sát sinh. Lúc đầu, đàn chuột nửa tin, nửa ngờ. Nhưng mấy ngày sau vẫn thấy mèo ngồi niệm Phật và chỉ ăn rau. Có con thử lại gần mà mèo cũng không vồ nên chúng tin là mèo già tụng kinh, sám hối thật. Vì thế, đàn chuột thường nhởn nhơ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa.

Một buổi tối, cả đàn lại xếp hàng một đi qua chỗ mèo già ngồi để vào hang. Mèo ta biết thế, liền cho đàn chuột chui vào hang chỉ còn lại con cuối cùng, liền vồ lấy nuốt chửng.

Hôm đầu, thấy thiếu một con thì chúng đâm hoang mang. Con chuột đầu đàn nghi là mèo già bắt, hôm ấy thử đi ở cuối cùng xem sự thể ra sao.Mèo ta nhe răng, giơ vuốt ra vồ, chuột đầu đàn chỉ kịp kêu thét lên báo cho cả đàn rồi cũng bị mèo nuốt chửng.Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chớ có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.

(https://thuvienpdf.com/chi-tiet-tang-thu-vien/133/PO-meo-an-chay)

Câu 1 (1 điểm): Xác định ngôi kể và thể loại của văn bản trên.

Câu 2 (1 điểm):Tìm và xác định loại phó từ được sử dụng trong câu sau:

“Có **một** con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vồ bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra **một** kế để lừa **đàn** chuột trong nhà.”

Câu 3 (1 điểm):Thành ngữ “giả nhân giả nghĩa” trong câu văn: “Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chớ có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.” nói về điều gì?(Giả vờ tỏ ra tử tế, nhân nghĩa)

Câu 4 (1 điểm): Nêu bài học rút ra từ câu chuyện trên.

(Câu chuyện phê phán những kẻ oai quyền giả nhân giả nghĩa, trong lòng thì mưu mô ác độc. Bởi vậy, trong cuộc sống, những con người có lời ngon ngọt chưa hẳn là tốt đẹp, nhưng lời nói thật lòng khó nghe lại có thể không phải là xấu.)

Câu 5 (1 điểm):Em có đồng tình với việc làm của con mèo già không? Vì sao?

+Đồng ý với việc làm của mèo già vì do mắt mờ,đã già yếu không bắt được chuột ăn thóc nên đã nghĩ cách để bắt chuột dễ dàng hơn.

+Không đồng ý với việc làm của mèo già vì giả nhân giả nghĩa,tính kế để bắt lũ chuột- Hs lí giả theo ý mình

***ĐỀ 2***

**I. Đọc, hiểu (6 điểm): *Đọc kĩ văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới***

**ĐÀN KIẾN ĐỀN ƠN**

Trong khu rừng nọ, một đàn kiến sa vào vũng nước. Ở trên cành cây gần bên, có một chú chim nhỏ vừa ra khỏi tổ, thấy động lòng thương, chú bay vụt ra nhặt mấy cọng rác thả xuống làm cầu cho đàn kiến đi qua.

Ngày tháng trôi qua, chú chim ấy cũng không còn nhớ đến đàn kiến nọ. Loài chim nhỏ này rất thích làm tổ trên cành sơn trà bởi vì cành cây tua tủa những gai nhọn hoắt. Sơn trà dùng gai làm vũ khí chống kẻ thù và khi ấy sơn trà che chở luôn cho cả tổ chim.

Mèo, quạ to xác nhưng khó mà len lỏi vào giữa những mũi gai sắc nhọn để đến được gần tổ chim. Nhưng một hôm con mèo rừng xám bất chấp gai góc cứ tìm cách lần mò tới gần tổ chim nọ. Bỗng từ đâu có một đàn kiến dày đặc đã nhanh chóng tản đội hình ra khắp cành sơn trà nơi có tổ chim đang ở. Mèo rừng hốt hoảng bỏ chạy ngay bởi nó nhớ có lần kiến lọt vào tai đốt đau nhói.

Đàn kiến bị sa vào vũng nước ngày ấy đã không quên ơn chú chim đã làm cầu cứu thoát mình khỏi vũng nước.

*Nguồn: Đàn kiến đền ơn - Kho Tàng Truyện Ngụ ngôn Chọn Lọc*

**1. Lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu từ 1 đến 8:**

Câu 1. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất, số ít. B. Ngôi thứ nhất, số nhiều. C. Ngôi thứ hai. D. Ngôi thứ ba.

Câu 2. Trong đoạn văn thứ nhất, đàn kiến đã rơi vào hoàn cảnh nào?

A. Gặp mèo rừng xám. B.Sa vào vũng nước. C.Gặp những mũi gai nhọn hoắt. D. Gặp quạ to xác.

Câu 3. Trong các câu sau, câu nào có trạng ngữ?

1. Ngày tháng trôi qua, chú chim ấy cũng không còn nhớ đến đàn kiến nọ.
2. Loài chim nhỏ này rất thích làm tổ trên cành sơn trà bởi vì cành cây tua tủa những gai nhọn hoắt.
3. Sơn trà dùng gai làm vũ khí chống kẻ thù và khi ấy sơn trà che chở luôn cho cả tổ chim.
4. Mèo, quạ to xác nhưng khó mà len lỏi vào giữa những mũi gai sắc nhọn để đến được gần tổ chim.

**Câu 4.** Vì sao chú chim lại chọn cây sơn trà để xây tổ?

A. Vì cành cây sơn trà tua tủa rất nhiều gai nhọn hoắt có thể làm vũ khí chống kẻ thù.

B. Vì cây sơn trà có quả rất ngon và chú chim này rất thích chúng

C. Vì gần cây sơn trà có vườn rau xanh với nhiều chú sâu béo tốt

D. Vì xung quanh cây sơn trà không có con mèo đáng ghét nào cả

Câu 5. Khi thấy đàn kiến sa vào vũng nước, chú chim đã nhặt mấy cọng rác thả xuống làm cầu cho đàn kiến đi qua. Điều đó thể hiện phẩm chất gì của chú chim?

A. Biết quan tâm, chia sẻ. B. Biết giúp đỡ người khác.

C. Biết bảo vệ môi trường. D. Biết ơn với người đã giúp đỡ mình.

Câu 6. Giải thích nghĩa của từ *len lỏi*  trong câu văn sau: “Mèo, quạ to xác nhưng khó mà len lỏi vào giữa những mũi gai sắc nhọn để đến được gần tổ chim”.

A. Len lỏi là chậm rãi, từng bước một. B. Len lỏi là tìm mọi cách chui vào.

C. Len lỏi là khéo léo qua những chật hẹp, khó khăn. D. Len lỏi là len, lách một cách rất vất vả.

Câu 7: Sự việc nào sau đây ***không***xuất hiện trong truyện?

A. Một đàn kiến sa vào vũng nước.

B. Chú chim bay vụt ra nhặt mấy cọng rác thả xuống làm cầu cho đàn kiến đi qua.

C. Mèo, quạ to xác nên dễ dàng đến được gần tổ chim. D. Mèo rừng hốt hoảng bỏ chạy.

Câu 8. Chủ đề của câu chuyện trên là gì?

A. Lòng biết ơn. B. Lòng nhân ái. C. Lòng dũng cảm. D. Lòng vị tha.

**2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

Câu 9. Hãy rút ra những bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc tác phẩm.

Câu 10. Giả sử khi đàn kiến sa vào vũng nước, chú chim không giúp đỡ đàn kiến được. Theo em, khi chú chim gặp nạn, đàn kiến có giúp đỡ chú chim không? Vì sao?

**II. VIẾT: (4.0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **ĐA** | **D** | **B** | **A** | **A** | **B** | **D** | **C** | **A** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **9** | - HS nêu được cụ thể bài học:  + Biết giúp đỡ người khác  + Biết nhớ ơn những người đã giúp đỡ mình trong lúc khó khăn hoạn nạn….  + Giúp đỡ những người không may mắn gặp bất hạnh, giúp đỡ những người đã từng cưu mang hay hỗ trợ chúng ta những lúc ta gặp khó khăn…  *Lưu ý*: *Học sinh nêu được 1 bài học cho 0,5, 2 bài học cho 0,75 điểm. Nếu từ 3 bài học trở lên cho tối đa.*  *HS có nhiều cách diễn đạt nhưng phải hướng về chủ đề lòng biết ơn.* | 1,0 |
| **10** | HS trình bày được quan điểm của mình và có lí giải thuyết phục.  - Nêu được lựa chọn của mình đàn kiến có giúp đỡ chú chim không?  - Giải thích được lí do vì sao lựa chọn câu trả lời như thế. (HS phải lí giải hợp lí theo từng quan điểm cá nhân.) | 1,0 |
|  | **VIẾT** | **4,0** |
| **Nhận biết** | a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| b. Xác định đúng yêu cầu của đề: vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy. | 0,25 |
| **Thông hiểu** | c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  Học sinh có thể nghị luận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: | 0,5 |
| **Vận dụng** | **1. Mở bài: Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận**  Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy*.*  **2. Thân bài**  **– Giải thích**: Vì sao phải đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  **– Thực trạng:** Việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  -**Tác dụng** :Việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.  **– Biện pháp:**+ Bản thân.+ Gia đình.+ Nhà trường và các tổ chức xã hội.  - Phê phán, lên án, xử phạt nghiêm những trường hợp vi phạm  **3. Kết bài**: Khẳng định lại sự tán thành ý kiến.  Mở rộng, kết luận lại vấn đề. | 2,5 |
| **Vận dụng cao** | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. | 0,25 |
| *e. Sáng* tạo: Nhận thức sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt sáng tạo, đảm bảo tính hoàn chỉnh văn bản | 0, 25 |

**Đề 3**

**I. Đọc, hiểu (6 điểm):**

# RÙA VÀ THỎ

# Ở một khu rừng nọ, có một chú thỏ lúc nào cũng chỉ thích khoác lác về tài chạy nhanh như gió của mình. Gặp ai chú ta cũng phải khoe khoang:

# - Tớ chạy rất nhanh. Tớ là nhanh nhất đấy!

# Mệt mỏi khi ngày nào cũng phải nghe những lời khoe khoang của thỏ và chế nhạo mình chậm chạp, Rùa đưa ra lời thách thức thỏ chạy thi với mình. Tất cả các loài động vật trong rừng đều rất ngạc nhiên khi nghe tin này, và chúng tập trung rất đông để xem rùa và thỏ chạy thi.

# Hai bạn thỏ và rùa đứng ở vạch xuất phát sẵn sàng cho cuộc đua. Tất cả động vật trong rừng đồng thanh hô to “1… 2… 3… bắt đầu!”. Thỏ chạy vụt đi rất nhanh, loáng một cái quay lại đã không thấy bóng dáng rùa đâu. Thỏ cười khẩy và quyết định dừng lại để nghỉ ngơi. Nó quay lại nhìn con rùa và mỉa mai:

# - Đúng là chậm như rùa, làm sao mà thắng nổi thỏ ta chứ !

# Nói đoạn thỏ vươn mình rồi nằm dài ra đường để ngủ.

# - Còn lâu nó mới đuổi kịp mình, cứ ngủ một giấc cho sướng đã - Thỏ ta thầm nghĩ.

# Trong lúc đó, rùa vẫn miệt mài chạy, chạy, chạy mãi không bao giờ dừng. Cho đến lúc rùa vượt qua chỗ thỏ đang nằm ngủ và gần chạm tới vạch kết thúc.

# Động vật trong rừng hò hét cổ vũ rất lớn cho rùa, thỏ giật mình tỉnh giấc. Nó lại còn vươn người và ngáp một cách lười biếng rồi mới bắt đầu chạy trở lại, nhưng đã quá muộn. Rùa đã cán đích trước và chiến thắng cuộc đua bằng tinh thần chăm chỉ và nghiêm túc của mình. Thỏ vô cùng xấu hổ và lủi tít vào trong rừng sâu, chẳng còn mặt mũi nào để gặp mọi người.

# Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính truyện ngụ ngôn Rùa và Thỏ ?

A. Tự sự. B. Miêu tả. C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

**Câu 2. Nhân vật chính truyện ngụ ngôn Rùa và Thỏ ?**

A. Rùa. B. Rùa và Thỏ. C. Thỏ. D. Động vật trong rừng

**Câu 3. Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ ?**

**A.**Rùa thích chạy thi với Thỏ **B.**Thỏ thách Rùa chạy thi

**C.**Thỏ chê Rùa chậm chạp khiến Rùa quyết tâm chạy thi.

**D.**Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

**Câu 4. Công dụng dấu chấm lửng trong câu: *Tất cả động vật trong rừng đồng thanh hô to “1… 2… 3… bắt đầu*!” ?**

A. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng

B. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm

C. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng D. Tất cả đều đúng.

**Câu 5. Để thể hiện những hành động sai lầm của một nhân vật nào đó, tác giả truyện ngụ ngôn thường đặt nhân vật ấy trước một tình huống có nhiều nguy cơ phạm sai lầm. Tình** **huống đó trong văn bản Rùa và Thỏ là gì?**

A. Gặp ai chú ta cũng phải khoe khoang.

B. Rùa đưa ra lời thách thức thỏ chạy thi với mình.

C. Còn lâu nó mới đuổi kịp mình, cứ ngủ một giấc cho sướng đã - Thỏ ta thầm nghĩ.

D. Hai bạn thỏ và rùa đứng ở vạch xuất phát sẵn sàng cho cuộc đua.

**Câu 6. Thỏ thể hiện những đặc điểm gì của nhân vật trong truyện ngụ ngôn?**

A. tự cao, tự đại, ngạo nghễ . B. chủ quan, bảo thủ, phiến diện.

C. tự cao, tự đại, chủ quan . D. không lắng nghe ý kiến của người khác .

**Câu 7: Vì sao Thỏ thua Rùa**

**A.**Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.  **B.**Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.

**C.**Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết. **D.**Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích trước.

**Câu 8. Ghép cột A với cột B sao cho phù hợp với truyện ngụ ngôn ?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** |
| 1. Nhân vật | a) Suy nghĩ/ hành động/ lời nói… ẩn chứa những bài học sâu sắc. |
| 2. Hành động | b) Xoay quanh một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm,... có tính chất cường điệu, tạo một ấn tượng rõ rệt, hướng đến một bài học, một lời khuyên,... |
| 3. Cốt truyện | c) Hiểu và tự đúc rút được bài học để tránh những sai lầm trong cuộc sống. |
| 4. Bài học | d) Là loài vật, đồ vật, con người. |
| **1+ ... 2+... 3+... 4+...** | |

**Câu 9. Nêu ý nghĩa truyện ngụ ngôn Rùa và Thỏ?**

**Câu 10. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện trên?**

**II. VIẾT (4.0 điểm):**

Hiện nay bạo lực học đường đang trở thành mối lo ngại cho tất cả mọi người, nhiều bạn trẻ bị bạo lực học đường dẫn đến những hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Em hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về bạo lực học đường ở học sinh hiện nay ?

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **ĐA** | **D** | **B** | **A** | **A** | **B** | **D** | **C** | 1+ ... d 2+... a 3+... b 4+...c |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **9** | - Nêu được ý nghĩa truyện ngụ ngôn Rùa và Thỏ:  + Ca ngợi những con người có ý chí, kiên trì, bền bỉ, cần cù và chịu khó.  + Lên án những người lười biếng, khoe khoang, tự cao, kiêu ngạo, xem bản thân là giỏi nhất và xem thường người khác. | 1,0 |
| **10** | - HS nêu được 1 trong số bài học bài học sau.  + Chậm mà ổn định sẽ chiến thắng nhanh mà ẩu đoảng.  + Chỉ cần chúng ta kiên trì, chắc chắn sẽ thành công.  ***Lưu ý:*** *Chấp nhận nhiều cách diễn đạt khác nhau xong hợp lý.* | 1,0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **VIẾT** | **4,0** |
| **Nhận biết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Bạo lực học đường | 0,25 |
| **Thông hiểu** | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2,5 |
| **Vận dụng** | - Mô tả hiện trạng bạo lực học đường; các hình thức bạo lực học đường; thể hiện thái độ phê phán hiện tượng này.  - Lí giải nguyên nhân và hậu quả của hiện tượng bạo lực học đường.  - Nêu giải pháp để ngăn chặn hiện tượng này.  - Mở rộng.  - Rút ra bài học cho bản thân |  |
| **Vận dụng cao** | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |

**Đề 4**

**Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn**

Mùa xuân đất trời đẹp. Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tôi nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.

Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ơ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ . Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”. Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.

*(Theo Đoàn Công Huy trong mục “Trò chuyện đầu tuần” của báo Hoa học trò)*

**Câu 1.**Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. Trong câu chuyện chim Én đã giúp Dế Mèn đạt được điều gì?

**Câu 2.**Qua câu chuyện, em thấy tính cách của Dế Mèn như thế nào?

**Câu 3.** Chi tiết “Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị : hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô . Mèn ngậm vào giữa . Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi” gợi cho em nghĩ đến lối sống nào của con người trong xã hội. Tác dụng của lối sống đó.

**Câu 4.** Nêu tên và tác dụng của biện pháp tu từ sử dụng trong câu sau: Nó bèn há mồm ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.

**Câu 5.** Cử chỉ hành động của hai con chim Én thể hiện phẩm chất tốt đẹp nào? Em suy nghĩ gì về hành động của Dế Mèn?

**Câu 6.** Nêu ngắn gọn (trong vòng 5 -> 7 câu văn) bài học sâu sắc nhất mà anh chị rút ra được cho bản thân từ câu chuyện trên?

\*Gợi ý:

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính: tự sự

Trong câu chuyện chim Én đã giúp Dế Mèn được dạo chơi, được bay lên ngắm cảnh thiên nhiên.

**Câu 2:** Tính cách của Dế Mèn: ích kỉ, toan tính, vụ lợi.

**Câu 3:** Lối sống chia sẻ, giúp đỡ mọi người

Tác dụng: - Giúp đỡ những người xung quanh, giúp cuộc sống của họ tốt hơn.

- Tâm hồn của mình được thư thái, thanh thản.

**Câu 4:**BPTT so sánh: rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành

=> Tác dụng: Miêu tả hình dáng, trạng thái rơi của Dế Mèn, giúp người đọc dễ hình dung hình dáng DM.

**Câu 5:**Cử chỉ hành động của hai con chim Én thể hiện phẩm chất thân thiện, hòa đồng, dễ gần, sẵn sàng giúp đỡ người khác.

Hành động của Dế Mèn thể hiện sự ích kỉ, vô ơn, ảo tưởng về bản thân.

**Câu 6:** Bài học: HS lựa chọn những bài học sau:

- Đó có thể là bài học về sự hợp tác và chia sẻ: nếu biết hợp tác và chia sẻ tất cả mọi người sẽ cùng có lợi.

- Đó có thể là bài học về giá cuộc sống: biết trân trọng những gì mình đang có thì sẽ cảm nhận được giá trị đích thực của cuộc sống. những người không biết quý trọng những gì mình đang có sẽ không bao giờ hạnh phúc, thậm chí bất hạnh. Bởi vậy hạnh phúc tùy thuộc vào chính ta.

- Đó có thể là bài học  về niềm tin lòng tốt là đáng quý nhưng lòng tin còn đáng quý hơn, chúng ta cần phải tin tưởng nhau để cuộc sống thoải mái nhẹ nhàng hơn.

- Đó cũng có thể là bài học về cách nhìn, cách cảm nhận: với cái nhìn thiển cận, hời hợt ta sẽ không phát hiện đúng bản chất cuộc sống dẫn đến những quyết định sai lầm.

- Đó cũng có thể là bài học về cho và nhận mà cả cho và nhận luôn luôn chuyển hóa: tưởng rằng cho đi nhưng lại được nhận lại và ngược lại…

**Đề 5**

**Con quạ và cái bình nước**

*Vào một năm nọ, hạn hán kéo dài, suốt mấy tháng liền trời không có lấy một giọt mưa. Đất đai khô cằn, cây cỏ héo úa, nước trong các ao hồ đều cạn khô hết cả. Sự sống của muôn loài bị đe dọa như đang đứng trước lưỡi gươm của Thần Chết.*

*Có một chú quạ đậu trên cành cây khô để nghỉ chân. Chú quạ rất khát nước nhưng không biết cách nào để tìm được nước cả. Sau đó tình cờ nhìn thấy trên mặt đất có một cái bình nước. Ngay lập tức, nó bèn sà xuống và thò mỏ vào chiếc bình để uống nước.*

*Thế nhưng, chú quạ không làm cách nào để uống nước được vì miệng bình nhỏ quá mà cổ bình lại cao, nước trong bình không dâng lên đủ để cho chú uống được. Dù nó đã cố gắng hết sức nhưng vẫn không uống được một giọt nước nào.*

*Đang trong lúc tuyệt vọng không biết phải làm thế nào thì nó nhìn thấy một viên sỏi. Một ý nghĩ vụt lóe lên trong đầu nó là sẽ dùng chiếc mỏ để cắp những viên sỏi bỏ vào trong bình. Bỏ càng nhiều sỏi, nước trong bình sẽ càng dâng cao. Khi nước dâng lên đến miệng bình là nó có thể uống được rồi.*

*Ngay lập tức, quạ đi khắp nơi để tìm sỏi bất chấp cái nắng nóng như đổ lửa. Sau một thời gian bỏ công đi tìm kiếm những viên sỏi trở về, lúc này nó chỉ việc thả những viên sỏi bỏ vào bình. Sỏi trong bình càng nhiều, nước trong bình càng dâng lên cao hơn. Khi bỏ viên sỏi cuối cùng vào thì mực nước trong bình cũng vừa dâng lên đến miệng và quạ ung dung uống ngụm nước trong bình.*

**Thực hiện các yêu cầu**

**Câu 1:** Văn bản trên thuộc thể loại nào?

|  |  |
| --- | --- |
| * A. Truyện cổ tích. | * C. Truyện ngụ ngôn. |
| B. Truyện truyền thuyết. | * D.Truyện ngắn. |

**Câu 2:** Văn bản trên sử dụng ngôi kể nào?

|  |  |
| --- | --- |
| * A. Ngôi thứ nhất. | C. Ngôi thứ hai. |
| * B. Ngôi thứ ba. | * D. Ngôi thứ tư. |

**Câu 3: Nhân vật chính trong văn bản trên là ai?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. cái bình nước | C. Thần Chết. |
| B. Viên sỏi. | D. Chú quạ. |

**Câu 4: Biện pháp tu từ nổi bật trong văn bản trên là:**

|  |  |
| --- | --- |
| A. So sánh. | C. Ẩn dụ. |
| B. Nhân hóa. | D. Điệp ngữ |

**Câu 5: Trong ngày nóng nực, chú quạ đã cảm thấy như thế nào?**

A. Cảm thấy vô cùng nóng nảy C. Cảm thấy mát mẻ, dễ chịu

B. Cảm thấy không khí oi bức D. Cảm thấy khát khô cả cổ

**Câu 6. Khi chú quạ định uống nước trong bình thì chú gặp phải khó khăn nào khiến chú không thể uống được nước?**

A. Miệng bình nhỏ quá mà cổ bình thì cao, không vừa với cái mỏ của chú

B. Nước trong bình bị nắng làm cho nóng lên, khiến mỏ quạ bị bỏng

C. Nước trong bình chưa được đun sôi nên không thể uống

D. Nước trong bình có vị đắng như thuốc nên chú không uống được

**Câu 7: Bộ phận chủ ngữ trong câu “*Sau một thời gian bỏ công đi tìm kiếm những viên sỏi trở về, lúc này nó chỉ việc thả những viên sỏi bỏ vào bình” là:***

A. *Sau một thời gian bỏ công đi tìm kiếm*  B. *những viên sỏi* C. *lúc này* D. *nó*

**Câu 8: Chi tiết “*Một ý nghĩ vụt lóe lên trong đầu nó là sẽ dùng chiếc mỏ để cắp những viên sỏi bỏ vào trong bình”* thể hiện được đặc điểm nào của nhân vật?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Dũng cảm. | C. Liều lĩnh. |
| B. Thông minh. | D. Mưu trí. |

**Câu 9:** Cảm xúc của em về hành động của quạ sau đây: *Ngay lập tức, quạ đi khắp nơi để tìm sỏi bất chấp cái nắng nóng như đổ lửa.* (Viết trong khoảng 3 – 5 dòng)?

**Câu 10:** Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm):**Viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật trong một tác phẩm văn học mà em yêu thích nhất.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **ĐA** | **C** | **B** | **D** | **B** | **D** | **A** | **D** | **B** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **9** | HS bộc lộ cảm xúc trước việc làm của quạ:  VD:  - Ngưỡng mộ, khâm phục….: Vì đó là hành động thể hiện được sự kiên trì, nỗ lực cố gắng của chú quạ trước khó khăn….. | **1,0** |
| **10** | HS có thể nêu được cụ thể một số bài học sau:  - Bài học về sự thông minh  - Bài học về sự kiên trì khi đối mặt với khó khăn thử thách.  - Bài học về sự ứng đối kịp thời trước tình huống bất ngờ. | **1,0** |
|  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học- Dạng bài Phân tích đặc điểm của nhân vật với bố cục ba phần có liên quan đến nhân vật và những đặc điểm tiêu biểu của nhân vật.* | 0,5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật cụ thể trong tác phẩm văn học mà mình yêu mến.  *c. Triển khai vấn đề:* HS lần lượt viết bài theo định hướng sau:  **\* MB:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật.  **\* Thân bài**  - Lần lượt phân tích và sáng tỏ từng đặc điểm của nhân vật qua các chi tiết cụ thể trong tác phẩm như: (Hoàn cảnh; Lai lịch; Ngoại hình, trang phục; Hành động, việc làm, cử chỉ; Suy nghĩ, lời nói; Lời truyền tụng, lời kể của người kể chuyện và các nhân vật khác)  + Em thấy nhân vật là người như thế nào?  - Nhân vật đã để lại trong em những ấn tượng, tình cảm, suy nghĩ gì về con người, mảnh đất….  \* Kết bài:  - Đánh giá khái quát về nhân vật.  - Liên hệ mở rộng về con người  - Rút ra bài học cho bản thân và thế hệ trẻ hôm nay. | 0,25 |
|  |

**Đề 6**

**ĐỀ 3: Đọc đoạn trích sau và thực hiện những yêu cầu:**

*“Cảm ơn mẹ vì luôn bên con*

*Lúc đau buồn và khi sóng gió*

*Giữa giông tố cuộc đời*

*Vòng tay mẹ chỏ che, khẽ vỗ về.*

*Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên*

*Mẹ dành hết tuổi xuân v ì con*

*Mẹ dành những chăm lo tháng ngày*

*Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ*

*Mẹ là ánh sáng của đời con*

*Là vầng trăng khi con lạc lối*

*Dẫu đi trọn cả một kiếp người*

*Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru”*

*(Trích lời bài hát “Con nợ mẹ”- Nguyễn Văn Chung)*

**Câu 1:** (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

**Câu 2: (**1,0 điểm) Tìm và nêu giá trị biểu đạt của các từ láy có trong đoạn trích trên.

**Câu 3:***(1,0 điểm)* Em hiểu thế nào về nghĩa của từ ‘đi” trong câu: *Dẫu đi trọn cả một kiếp người*

**Câu 4:***(1,5 điểm)* Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong những câu thơ sau:

*Mẹ dành hết tuổi xuân v ì con*

*Mẹ dành những chăm lo tháng ngày*

*Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ*

**Câu 5:** (4,0 điểm) Viết một đoạn văn (khoảng 15- 20 dòng) trình bày cảm nhận của em về đoạn trích trên

**GỢI Ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1** | Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  (Hs trả lời 2 PTBĐ không cho điểm) |
| **2** | - Các từ láy: Vỗ về, nhẹ nhàng  - Giá trị biểu đạt: Góp phần thể hiện tình yêu thương, sự chở che, chăm sóc …của ẹm dành cho con |
| **3** | - Nghĩa từ “đi”  *Nếu HS chỉ giải thích trúng nghĩa của từ “đi ”trong câu: Dẫu đi trọn cả một kiếp người là sống, trải qua (cho 0,75)* |
|  | Nếu HS giải thích đúng và diễn đạt hay nghĩa của từ đi trong câu *Dẫu đi trọn cả một kiếp người* có kết kết hợp cả lời hát sau đó: *“Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru”*  Ví dụ: Dù con sống, trải qua cả cuộc đời, con cũng chưa thể báo đáp hết công lao của mẹ (cho 1,0 điểm) |
| **4** | **-** Biện pháp tu từ: Điệp ngữ: *Mẹ dành*  - Tác dụng:  + Nhấn mạnh sự chăm lo, hi sinh của mẹ để con được trưởng thành; khẳng định vai trò và tầm quan trọng của mẹ trong cuộc đời mỗi con người; thể hiện lòng biết ơn, yêu thương trân trọng của tác giả dành cho người mẹ của mình…  + Điệp ngữ góp phần tạo nhịp điệu cho lời bài hát thêm sinh động, hấp dẫn… |

**ĐỀ 7:** Tình yêu quê hương đã trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho các thi nhân.Trong một bài thơ của mình,nhà thơ Đỗ Trung Quân đã viết:

*“ Quê hương mỗi người chỉ một*

*Như là chỉ một mẹ thôi*

*Quê hương nếu ai không nhớ*

*Sẽ không lớn nổi thành người ”*

Từ gợi ý của khổ thơ trên, em hãy viết đoạn văn 6-8 dòng bộc lộ tình cảm,cảm xúc về tình yêu quê hương của mình.

**Mở đoạn:** Giới thiệu hoặc khẳng định về quê hương mình.

**Phát triển đoạn:**

+Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn, là cả tuổi thơ của mỗi con người, là nơi con người ta trưởng thành

+Nơi đây ghi dấu bao kỉ niệm ngọt ngào của tuổi thơ em.  
+chăn trâu cắt cỏ, người bạn cùng em thả diều, bắt cá,tắm mưa.

+Tình cảm đối với gia đình, với mọi người xung quanh, với hàng xóm láng giềng,bạn bè…

**Kết thúc đoạn:** Liên hệ bản thân , khẳng định, biết trân trọng yêu thương, tự hào, quê hương là nơi nuôi dưỡng tâm hồn ta, cho ta sự sống, cội nguồn để hướng về, phát triển quê hương….

**Đề 8**

**Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Chẳng ai muốn làm hành khất Con chó nhà mình rất hư*

*Tội trời đày ở nhân gian Cứ thấy ăn mày là cắn*

*Con không được cười giễu họ Con phải răn dạy nó đi*

*Dù họ hôi hám úa tàn. Nếu không thì con đem bán.*

*Nhà mình sát đường, họ đến Mình tạm gọi là no ấm*

*Con cho thì có là bao Ai biết cơ trời vần xoay*

*Con không bao giờ được hỏi Lòng tốt gửi vào thiên hạ*

*Quê hương họ ở nơi nào. Biết đâu nuôi bố sau này.*

(Trần Nhuận Minh – *Dặn con*)

**Câu 1.** Hãy cho biết thể thơ và cách gieo vền của bài thơ.

**Câu 2.** Ý nghĩa của cách gọi *“hành khất”*mà không phải *“ăn mày”*ở câu thơ mở đầu?

**Câu 3.** Việc lặp lại: *“Con không…Con không…”*ở khổ 1,2 thể hiện thái độ gì của nhân vật trữ tình”

**Câu 4.** Hãy thử lí giải tại sao người cha lại dặn con: *Con không bao giờ được hỏi: Quê hương họ ở nơi nào.*

**Câu 5.** Những lời chia sẻ trong khổ cuối gợi cho anh/chị những suy nghĩ gì?

**Câu 6.** Đọc bài thơ này, anh/chị có liên tưởng đến bài thơ nào đã học? Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 dòng) bàn về những lời dạy quý giá của cha.

**GỢI Ý**

**Câu 1.** Thể thơ: Tự do. Gieo vần chân.

**Câu 2.** Cách gọi *“hành khất”*mà không phải *“ăn mày”* thể hiện thái độ tôn trọng của người cha với những người bị *“giời đày”*chẳng may phải xin ăn trên phố, đồng thời cũng thể hiện niềm đồng cảm chân thành với nỗi bất hạnh của họ. Qua cách gọi ấy người cha cũng muốn con mình nhận ra nên có thái độ hành xử như thế nào cho đúng với những người cơ cực, khổ nghèo.

**Câu 3.** Việc lặp lại *“Con không…Con không…”*ở khổ 1,2là những câu khẳng định có ý nghĩa mệnh lệnh thể hiện thái độ nghiêm khắc căn dặn con của nhân vật trữ tình. Người cha muốn khắc sâu trong con những điều tuyệt đối không được làm khi gặp những người hành khất tránh gây nên sự tổn thương về tinh thần cho họ.

**Câu 4.** Nguyên nhân khiến người ha dặn dò con: *Con không bao giờ được hỏi/ Quê hương họ ở nơi nào.*

+  Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn, là nơi có họ hàng, làng xóm,…Ai cũng yêu, cũng muốn gắn bó với quê hương mình và khi đi xa thì tha thiết mong nhớ.

+  Những người hành khất không may phải lang thang xin ăn, họ vì lí do nào đó mà phải xa quê, nên khi hỏi họ về quê hương là đâm sâu hơn vào nỗi đau tha hương của họ, khiến họ xót xa hơ cho tình cảnh thực tại nghiệt ngã của chính mình.

⟹ Qua lời dặn dò này, người cha dạy con cần phải có tình yêu thương con người, biết quý trọng con người. Không chỉ giúp đỡ những con người hành khất về vật chất, một người biết yêu thương cần phải biết đồng cảm, sẻ chia, thấu hiểu để không gây ra những tổn thương tinh thần cho họ.

**Câu 5.** Những lời chia sẻ trong khổ cuối là lời dặn dò vô cùng ý nghĩa của người cha dành cho con:

+ *Mình tạm gọi là no ấm/Ai biết cơ trời vần xoay*: Gia đình mình chỉ “tạm” gọi là no ấm hơn những người hành khất tội nghiệp kia. Sự no ấm ấy chưa biết tồn tại được bao lâu bởi cuộc sống luôn *“vần xoay”*biến đổi…

+ *Lòng tốt gửi vào thiên hạ/Biết đâu nuôi bố sau này:*Con hãy sống giàu tình yêu thương, sẻ chia, trân trọng những người nghèo khổ, tu nhân tích đức, bởi biết đâu sau này bố cũng rơi vào tình cảnh như họ, và cũng được mọi người giúp đỡ, trân trọng như con đã làm.

⟹ Người cha đã đánh thức lòng trắc ẩn, tình yêu thương, khơi dậy lòng tốt không chỉ của con mình mà con của nhiều người khác.

**Câu 6.** Bài thơ gợi nhớ đến bài *“Nói với con”*của Y Phương.

Đoạn văn cần kết cấu rõ ràng, mạch lạc, tập trung bàn về những lời dạy của cha: Nội dung những lời dạy, ý nghĩa của những lời dạy

**Đề 9**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu**:

*Cảm ơn mẹ vì luôn bên con*

*Lúc đau buồn và khi sóng gió*

*Giữa giông tố cuộc đời*

*Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.*

*Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên*

*Mẹ dành hết tuổi xuân vì con*

*Mẹ dành những chăm lo tháng ngày*

*Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*

*Mẹ là ánh sáng của đời con*

*Là vầng trăng khi con lạc lối*

*Dẫu đi trọn cả một kiếp người*

*Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru…*

(Trích lời bài hát *Con nợ mẹ*, Nguyễn Văn Chung)

**a**. Xác định các từ láy có trong lời bài hát trên.

**b**. Em hiểu thế nào về nghĩa của từ ***đi*** trong câu: *“Dẫu đi trọn cả một kiếp người”?*

**c.** Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong những câu sau:

*Mẹ dành hết tuổi xuân vì con*

*Mẹ dành những chăm lo tháng ngày*

*Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.*

**d.**

*Cảm ơn mẹ vì luôn bên con*

*Lúc đau buồn và khi sóng gió*

*Giữa giông tố cuộc đời*

*Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.*

Những câu ca trên gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa của lời cảm ơn trong cuộc sống?

**Trả lời:**

**a**. - Các từ láy: *vỗ về, nhẹ nhàng.*

**b**. - Nghĩa của từ ***đi***: *sống, trải qua.*

**c.** - Nghệ thuật: Điệp ngữ (*Mẹ dành*).

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh sự chăm lo, hi sinh tuổi xuân, đánh đổi cả cuộc đời để con được trưởng thành, được chạm tới những ước mơ, khát vọng.

+ Khẳng định vai trò và tầm quan trọng của người mẹ trong cuộc đời mỗi con người.

**d.**

*- Giải thích:* *Cảm ơn* là từ đáp thể hiện sự biết ơn của mình với lòng tốt hay sự giúp đỡ của người khác. Nó chính là cách thể hiện tình cảm, lối ứng xử của con người có văn hóa, lịch sự và biết tôn trọng những người xung quanh mình.

*- Chứng minh:*

+ Khẳng định ý nghĩa và đưa ra những biểu hiện cũng như vai trò, tác dụng của lời *cảm ơn* trong cuộc sống.

+ Lấy một số dẫn chứng, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ.

+ Khẳng định: *Cảm ơn* là nét sống văn minh của con người có học thức, có giáo dục. *Cảm ơn* hoàn toàn không phải là hình thức phức tạp hóa ứng xử, là sự khách sáo mà nó là một sự cần thiết, là quy tắc giao tiếp giữa con người với con người. Bạn đang tự làm đẹp mình khi biết nói hai từ *cảm ơn*!

- Phê phán những hành động đi ngược lại lối sống tốt đẹp và văn minh này, đặc biệt trong xã hội ngày nay.

- Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân.

**3. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Làm hoàn chỉnh các bài viết. Chuẩn bị kiểm tra giữa kì II. Văn bản nghị (Nghị luận xã hội)

|  |
| --- |
| ***Lớp 7 - HK II***  ***Ngày soạn :***  ***Ngày dạy :*** |

**TUẦN TIẾT VĂN NGHỊ LUẬN ( XÃ HỘI )**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức:**

- Vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội, kiến thức về liên kết, mạch lạc của văn bản để thực hành đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội

- Biết và hiểu các đặc điểm của văn bản nghị luận qua các văn bản nghị luận xã hội đã học

**2. Năng lực:**

**\* Năng lực chung:** Năng lực giao tiếp tiếng Việt, cảm thụ thẩm mĩ, sáng tạo, hợp tác...

**\* Năng lực riêng:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thể loại.

- Năng lực thu thập thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm nhận liên quan đến thể loại.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về bài học từ văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm.

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tôn trọng cái riêng biệt nhưng phải biết hoà đồng, gần gũi với mọi người.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:** Giáo án, PBT- Bảng phân công nhiệm vụ

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn , soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài,

**III. PHƯƠNG PHÁP:** Giải quyết vấn đề, thảo luận, trình bày 1 phút, hoạt động nhóm. thuyết trình, đàm thoại, gợi mở, sơ đồ tư duy.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**I**. **Ổn định tổ chức:**

**II. Kiểm tra bài cũ ( trong giờ)**

**III: Dạy học bài ôn :**

**1.Trước giờ học:**

- HS chuẩn bị kiến thức về thể loại

- Tìm hiểu về đặc điểm thể loại của tác phẩm, viết đoạn.

- Soạn bài: trả lời câu hỏi trong SBT và thưc hiện PHT ( có thể dùng vở thực hành để soạn bài)

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

1. Mục tiêu: Kết nôi - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế bước vào giờ ôn tập kiến thức.
2. Nội dung hoạt động: HS hoàn thành Phiếu học tập
3. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

**d.** Tổ chức thực hiện hoạt động:

GV yêu cầu HS kể tên một số bài thơ mà em đã học, đã đọc và nêu ấn tượng, cảm nhận riêng của mình..

**HOẠT ĐỘNG 2:HỆ THỐNG KIẾN THỨC:**

**a.Mục tiêu:** Hs hệ thống kiến thức về đã học

**b.Nội dung**:Hs nắm chác kiến thức, trả lời câu hỏi

**c.Sản phẩm**:Câu trả lời của hs

**d.Tổ chức thực hiện:** Giáo viên chuyến giao nhiệm vụ:

**2. Trên lớp:**

**I. VĂN HỌC :**

**1. Bảng thống kê thể loại văn học:**